



Số:...../2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng.... năm 2026

Dự thảo**Ngày 24/02/2026****NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;**Căn cứ Luật Thương mại điện tử số 122/2025/QH15;**Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;**Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thương mại điện tử.***Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết khoản 8 Điều 9, khoản 5 Điều 11; khoản 4 Điều 14; khoản 4 Điều 15; khoản 5 Điều 17; khoản 5 Điều 18; khoản 3 Điều 19; khoản 2 Điều 20; khoản 7 Điều 27; điểm b khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 33; khoản 2 Điều 34; điểm d khoản 3 Điều 35; khoản 3 Điều 36; khoản 3 Điều 37; khoản 4 Điều 38 của Luật Thương mại điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trang chủ* là giao diện đầu tiên hoặc màn hình chính mà người sử dụng nhìn thấy khi mở nền tảng thương mại điện tử.

2. *Tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử* là tổ chức cung cấp một trong các dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử, bao gồm: dịch vụ hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ thương mại điện tử, dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử, dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử, dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.

Điều 4. Ngày Thương mại điện tử quốc gia

Ngày thứ Sáu đầu tiên của tháng 12 hằng năm là Ngày Thương mại điện tử quốc gia.

Chương II**NỘI DUNG CÔNG KHAI TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ****Mục 1****NỘI DUNG CÔNG KHAI TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ****Điều 5. Thông tin về chủ quản nền tảng thương mại điện tử**

1. Thông tin về chủ quản nền tảng thương mại điện tử bao gồm ít nhất các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, tên người đại diện theo pháp luật hoặc tên, địa chỉ cư trú của cá nhân.

b) Số, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp hoặc số, ngày cấp, nơi cấp và đơn vị cấp quyết định thành lập đối với tổ chức hoặc mã số thuế của cá nhân.

2. Nền tảng thương mại điện tử phải công khai trên trang chủ các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp nền tảng là ứng dụng trên thiết bị di động, chủ quản nền tảng công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều trong phần thiết lập của ứng dụng hoặc vị trí khác trên ứng dụng.

Điều 6. Chính sách bảo mật

Nền tảng thương mại điện tử phải công khai trên trang chủ chính sách bảo mật, bao gồm ít nhất các thông tin sau:

1. Mục đích, phạm vi thu thập thông tin của người sử dụng;
2. Phạm vi sử dụng thông tin;
3. Thời gian lưu trữ thông tin;
4. Tổ chức, cá nhân có thể được tiếp cận thông tin cá nhân;
5. Biện pháp bảo mật thông tin, dữ liệu của người sử dụng;
6. Phương thức để chủ thể dữ liệu xem, chỉnh sửa, hoặc yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu của mình trên nền tảng;

7. Phương thức tiếp nhận yêu cầu của chủ thể dữ liệu trong việc xóa, hủy hoặc hạn chế xử lý dữ liệu của mình đã cung cấp.

8. Phương thức tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, yêu cầu, phản ánh của chủ thể dữ liệu liên quan đến việc bảo mật thông tin;

9. Quy trình xử lý và trách nhiệm của chủ quản nền tảng trong trường hợp xảy ra sự cố rò rỉ, mất mát dữ liệu.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các bên

Nền tảng thương mại điện tử phải công khai trên trang chủ nội dung về quyền và nghĩa vụ của các bên, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

1. Quyền và nghĩa vụ của chủ quản nền tảng thương mại điện tử:

a) Ban hành, tổ chức thực hiện điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch; thu phí dịch vụ theo mức đã công khai; áp dụng biện pháp quản lý, giám sát và xử lý vi phạm theo quy định;

b) Bảo đảm vận hành an toàn, ổn định nền tảng; công khai, minh bạch điều kiện hoạt động, điều kiện giao dịch;

c) Bảo vệ dữ liệu cá nhân, dữ liệu giao dịch; tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu khiếu nại;

d) Giám sát, ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp và cung cấp thông tin, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Quyền và nghĩa vụ của người bán:

a) Được đăng ký, duy trì, tạm ngừng, chấm dứt hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; quyết định hàng hóa, dịch vụ, giá bán và chính sách khuyến mại theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với chủ quản nền tảng;

b) Được sử dụng hạ tầng kỹ thuật, công cụ hỗ trợ của nền tảng; được tiếp cận dữ liệu liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh; được bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn và được giải quyết phản ánh, khiếu nại theo nguyên tắc công khai, minh bạch;

c) Cung cấp thông tin trung thực; bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng, bảo hành, đổi trả, hoàn tiền; không kinh doanh hàng hóa, dịch vụ bị cấm hoặc chưa đủ điều kiện;

d) Thực hiện nghĩa vụ tài chính; bảo vệ dữ liệu cá nhân của người mua; phối hợp với chủ quản nền tảng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc

xử lý vi phạm pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của người mua:

a) Được bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng; được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác về hàng hóa, dịch vụ và người bán;

b) Được lựa chọn hàng hóa, dịch vụ, phương thức thanh toán và giao hàng; được bảo vệ dữ liệu cá nhân; được gửi và được giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại theo quy định;

c) Cung cấp thông tin cần thiết, chính xác; thanh toán đầy đủ, đúng hạn;

d) Tuân thủ quy định pháp luật, điều kiện hoạt động và điều kiện giao dịch của nền tảng; không lợi dụng nền tảng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 8. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

Nền tảng thương mại điện tử phải công khai trên trang chủ phương thức tiếp nhận và xử lý phản ánh, khiếu nại, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

1. Các hình thức tiếp nhận phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, bao gồm tối thiểu một phương thức liên hệ trực tuyến;

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý khiếu nại, bao gồm các bước cụ thể mà các bên cần thực hiện;

3. Thời hạn cụ thể phản hồi ban đầu và thời hạn dự kiến giải quyết cho từng loại vấn đề phổ biến;

4. Các biện pháp, công cụ mà nền tảng áp dụng để hỗ trợ giải quyết tranh chấp;;

5. Các căn cứ và quy trình để nền tảng đưa ra quyết định cuối cùng đối với một vụ việc.

Điều 9. Chính sách về giá cả

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến phải công khai trên trang chủ chính sách về giá cả, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

1. Chính sách về giá cả phải thể hiện rõ giá đó đã bao gồm hay chưa bao gồm những chi phí liên quan đến việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ như thuế, giá vận chuyển và các chi phí phát sinh khác;

2. Trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác, nếu thông tin giá cả niêm yết trên nền tảng không thể hiện rõ giá đó đã bao gồm hay chưa bao gồm những chi

phí liên quan đến việc mua hàng hóa hoặc dịch vụ như thuế, giá vận chuyển và các chi phí phát sinh khác thì giá này được hiểu là đã bao gồm mọi chi phí liên quan nói trên;

3. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có tính giá dịch vụ mở, duy trì tài khoản; xử lý đơn hàng và các loại dịch vụ khác, chính sách phải bao gồm thông tin chi tiết về cách thức tính giá dịch vụ và thời điểm áp dụng.

Điều 10. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ

1. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến có các điều kiện, giới hạn trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ áp dụng cho người bán, người mua trên nền tảng của mình, chủ quản nền tảng phải công khai trên trang chủ tất cả điều kiện và hạn chế đó.

2. Các điều kiện và hạn chế (nếu có) phải bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

a) Giới hạn về thời gian cung cấp: Các khung giờ, ngày trong tuần hoặc khoảng thời gian cụ thể trong năm mà dịch vụ/hàng hóa được cung cấp hoặc bị hạn chế;

b) Giới hạn về phạm vi địa lý: Các khu vực, vùng lãnh thổ, địa phương cụ thể nơi hàng hóa, dịch vụ được giao nhận hoặc bị hạn chế cung cấp;

c) Các hạn chế về đối tượng khách hàng: Các điều kiện về độ tuổi, khu vực sinh sống cụ thể để được tiếp cận hàng hóa, dịch vụ;

d) Các giới hạn về số lượng: Số lượng hàng hóa tối đa, tối thiểu cho mỗi giao dịch hoặc cho mỗi khách hàng;

đ) Các điều kiện về tính khả dụng của dịch vụ: Các trường hợp hàng hóa, dịch vụ có thể ngừng cung cấp hoặc bị gián đoạn vì lý do kỹ thuật, bảo trì, hoặc các sự kiện bất khả kháng.

Điều 11. Chính sách về thanh toán

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến phải công khai trên trang chủ chính sách về thanh toán, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

1. Phương thức thanh toán áp dụng cho hàng hóa hoặc dịch vụ giới thiệu trên nền tảng, kèm theo giải thích rõ ràng, chính xác để khách hàng có thể hiểu và

lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp;

2. Phương thức hoàn tiền trong trường hợp đổi trả hàng hóa hoặc chấm dứt dịch vụ;

3. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử thiết lập cơ chế tích điểm, hoàn điểm hoặc ưu đãi có giá trị quy đổi, nền tảng phải công khai trong chính sách thanh toán cách thức hình thành và sử dụng điểm, phạm vi áp dụng, điều kiện, tỷ lệ và giới hạn quy đổi, trách nhiệm của các bên; việc sử dụng điểm chỉ nhằm khấu trừ giá trị giao dịch trên nền tảng, không làm phát sinh hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán và không được dùng cho mục đích thanh toán ngoài các giao dịch trên nền tảng.

Điều 12. Chính sách về ưu tiên hiển thị

1. Các tiêu chí chính được sử dụng khi nền tảng thương mại điện tử có sử dụng thuật toán hoặc biện pháp để hạn chế hoặc ưu tiên việc hiển thị hàng hóa, dịch vụ bao gồm:

- a) Mức độ phù hợp với từ khóa tìm kiếm;
- b) Hình thức ưu tiên hiển thị có trả phí;
- c) Lịch sử truy cập, giao dịch của người sử dụng trên nền tảng;
- d) Đánh giá và phản hồi của người tiêu dùng;
- đ) Số lượng đơn hàng đã đặt hàng thành công;
- e) Thông tin hiển thị về hàng hóa, dịch vụ;
- g) Các yếu tố về chính sách khuyến mại, ưu đãi;
- h) Các yếu tố liên quan đến địa phương, quốc gia, vùng lãnh thổ;
- i) Phương thức giao hàng, thanh toán;
- k) Các tiêu chí chính khác.

2. Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các tiêu chí nêu tại khoản 1 Điều này thì phải công khai trên trang chủ.

Điều 13. Quy chế hoạt động livestream bán hàng

Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có cung cấp tính năng livestream bán hàng, chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải công khai trên trang chủ quy chế hoạt động livestream bán hàng, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

1. Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia livestream bán hàng;
2. Điều kiện, quy trình, thủ tục về đăng ký mở tài khoản, xác thực tài khoản người bán và người livestream bán hàng;
3. Quy định cụ thể trường hợp bị dừng phát trực tuyến, gỡ bỏ thông tin hiển thị, đường dẫn liên kết khi phát hiện nội dung livestream bán hàng;
4. Quy trình, hướng dẫn cụ thể về cách thức thực hiện công cụ cho phép người livestream bán hàng hiển thị nội dung cảnh báo khi livestream bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ có nguy cơ gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người mua theo quy định của pháp luật;
5. Quy trình, hướng dẫn cụ thể về cách thức thực hiện cơ chế tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người xem trong và sau quá trình livestream bán hàng.

Điều 14. Chính sách về giao hàng

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động mua bán hàng hóa phải công khai trên trang chủ chính sách về giao hàng, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

1. Các phương thức giao hàng;
2. Thời hạn ước tính cho việc giao hàng;
3. Các giới hạn về mặt địa lý cho việc giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ, nếu có.
4. Phân định trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ logistics về cung cấp chứng từ hàng hóa trong quá trình giao nhận;
5. Chính sách kiểm hàng.

Điều 15. Chính sách về đổi trả hàng và hoàn tiền

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động mua bán hàng hóa phải công khai trên trang chủ chính sách về đổi trả hàng và hoàn tiền, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

1. Điều kiện về hàng hóa được đổi trả hàng và hoàn tiền.
2. Thời hạn yêu cầu đổi trả hàng, hoàn tiền.
3. Quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu đổi trả hàng và hoàn tiền.
4. Phương thức đổi trả hàng và hoàn tiền.

5. Chi phí hoàn trả của các bên.

Điều 16. Chính sách về phương thức cung cấp dịch vụ

1. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến cung cấp dịch vụ sử dụng trực tiếp trên nền tảng, nền tảng công khai chính sách về phương thức cung cấp dịch vụ, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

- a) Quy định rõ về thời hạn sử dụng dịch vụ, loại thiết bị điện tử phù hợp, số lượng thiết bị được phép sử dụng đồng thời;
- b) Mô tả cụ thể cách sử dụng dịch vụ và các tính năng chính của dịch vụ;
- c) Thông báo về các hạn chế trong quá trình sử dụng (nếu có).

2. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến cung cấp dịch vụ đặt hàng trước, sử dụng sau, nền tảng công khai trên trang chủ chính sách về phương thức cung cấp dịch vụ bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

- a) Công bố điều kiện, hình thức sử dụng dịch vụ tại địa điểm cung cấp;
- b) Quy định rõ về thời hạn sử dụng dịch vụ, điều kiện đổi/huỷ và các chi phí phát sinh.

Điều 17. Chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền

Nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến cung cấp dịch vụ trên nền tảng phải công khai trên trang chủ chính sách chấm dứt dịch vụ, bao gồm ít nhất các thông tin sau đây:

- 1. Các trường hợp chấm dứt dịch vụ và cách thức giải quyết hậu quả của việc chấm dứt dịch vụ;
- 2. Thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực và cách thức thanh toán phí dịch vụ trong trường hợp khách hàng là bên chấm dứt hợp đồng. Trường hợp không công bố rõ thời điểm hợp đồng chấm dứt hiệu lực trong trường hợp khách hàng là bên chấm dứt hợp đồng, thì thời điểm khách hàng gửi thông báo được coi là thời điểm hợp đồng chấm dứt;
- 3. Quy trình, thời hạn phản hồi cho người dùng thực hiện gửi thông báo chấm dứt hợp đồng trên nền tảng thương mại điện tử khi hết nhu cầu sử dụng dịch vụ;
- 4. Cách thức hoàn tiền khi chấm dứt dịch vụ.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 18. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện các trách nhiệm sau đây:

a) Công bố đầy đủ, chính xác, rõ ràng các nội dung quy định tại Điều Mục 1 Chương II của Nghị định này và tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Luật Thương mại điện tử;

b) Báo cáo trực tuyến định kỳ thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Có biện pháp kiểm tra, rà soát, gỡ bỏ và xử lý kịp thời về hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian không quá 24 giờ khi phát hiện hoặc kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Cung cấp thông tin về đối tượng có dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật trên nền tảng thương mại điện tử cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện hoặc nhận được các thông tin nêu trên;

đ) Thường xuyên cập nhật từ khóa theo khuyến cáo từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền và lọc thông tin theo từ khóa trước khi thông tin hàng hóa, dịch vụ hiển thị trên nền tảng thương mại điện tử nhằm hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại;

e) Duy trì, sử dụng tài khoản đã thực hiện thủ tục hành chính tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để tiếp nhận và phản hồi thông tin nhằm giải quyết khiếu nại, phản ánh và tranh chấp liên quan đến nền tảng thương mại điện tử;

g) Phối hợp với chủ thể quyền sở hữu trí tuệ rà soát và gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy trình, thủ tục công bố tại điều kiện hoạt động và giao dịch của nền tảng thương mại điện tử;

h) Trường hợp nền tảng thương mại điện tử sử dụng thuật toán hoặc các biện pháp để hạn chế hoặc ưu tiên việc hiển thị hàng hóa, dịch vụ, chủ quản nền tảng phải có cơ chế cho phép người sử dụng được quyền lựa chọn sử dụng hoặc dừng tính năng này.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này và quy định tại Điều 12 của Luật Thương mại điện tử. Trường hợp nền tảng thương mại điện tử có tích hợp hệ thống thông tin tự động giao kết hợp đồng điện tử, chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện các trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này và quy định tại Điều 13 của Luật Thương mại điện tử.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn và mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này và trách nhiệm báo cáo trực tuyến về kết quả gỡ bỏ thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định này.

Điều 19. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm quy định tại Điều 18 Nghị định này;
- b) Trách nhiệm của nền tảng số trung gian theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- c) Thực hiện việc xác thực điện tử danh tính theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử; yêu cầu người bán cung cấp các thông tin sau đây:
 - Đối với cá nhân trong nước: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch; số điện thoại; số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; ngày cấp, nơi cấp, ngày hết hạn hiệu lực của giấy tờ tùy thân; mã số thuế (nếu có); thuộc đối tượng người cư trú hay người không cư trú; Tài khoản thanh toán của cá nhân;
 - Đối với tổ chức trong nước: tên tổ chức; địa chỉ trụ sở chính; địa điểm kinh doanh; số giấy phép thành lập hoặc số giấy tờ chứng minh tổ chức được thành lập, hoạt động hợp pháp; mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế (nếu có); số định danh của tổ chức (nếu có); số điện thoại; họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số điện thoại, số định danh cá nhân hoặc số chứng minh nhân dân; ngày cấp, nơi cấp, ngày hết hạn hiệu lực của giấy tờ tùy thân của người đại diện theo pháp luật; tài khoản thanh toán của tổ chức;

Đối với người bán là cá nhân nước ngoài, yêu cầu người bán cung cấp:

Tên, số hộ chiếu, tên quốc gia, vùng lãnh thổ của cá nhân tại hộ chiếu hoặc các giấy tờ tương đương khác còn hiệu lực ít nhất 06 tháng kể từ ngày xét duyệt do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp; tài khoản thanh toán của cá nhân;

- Đối với tổ chức nước ngoài, yêu cầu người bán cung cấp: tên tổ chức, địa chỉ trụ sở chính, tên quốc gia, vùng lãnh thổ của tổ chức tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ tương đương khác do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp; tên, số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; tài khoản thanh toán của tổ chức;

d) Công khai thông tin về tên, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo nội dung đăng ký đã thực hiện với cơ quan đăng ký kinh doanh; tên, địa chỉ nơi đặt trụ sở của tổ chức; tên, địa chỉ cư trú của cá nhân. Các thông tin phải được phiên âm sang tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh;

đ) Kiểm duyệt nội dung thông tin về hàng hóa, dịch vụ do người bán khởi tạo trước khi cho phép hiển thị trên nền tảng, đảm bảo thông tin không thuộc danh mục ngành nghề hàng hóa, dịch vụ cấm đầu tư kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ đang bị tạm dừng lưu thông hoặc cập nhật từ khóa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Bảo đảm khả năng truy cập thông tin và dữ liệu hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải từ tài khoản người bán trong thời gian ít nhất 01 năm kể từ thời điểm đăng tải; bảo đảm khả năng truy xuất dữ liệu phục vụ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra, xử lý hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm pháp luật.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến thực hiện các trách nhiệm sau đây:

a) Trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tiếp nhận lại hàng hóa đối với trường hợp hàng hóa do người bán cung cấp không theo đúng nội dung đã thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết trên nền tảng và thực hiện đổi trả hàng, hoàn tiền theo chính sách đã công bố trên nền tảng phù hợp với quy định tại Điều 15 của Nghị định này;

c) Công khai đầy đủ thông tin về việc thu hồi hàng hóa có khuyết tật trên nền tảng ngay khi nhận được thông tin từ người bán hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong vòng 10 ngày liên tục tại một vị trí dễ thấy; công khai thông tin liên hệ của đầu mối tiếp nhận lại hàng hóa; thông tin trực tiếp đến người mua sản

phẩm, hàng hóa đó trên nền tảng thông qua số điện thoại người mua hoặc tài khoản của người mua trên nền tảng;

d) Cung cấp các thông tin cần thiết hỗ trợ các bên có tham gia giao dịch trên nền tảng theo phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại đã công khai theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này; cung cấp các thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm pháp luật thông qua đầu mối được chỉ định và thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử trong thời gian không quá 24 giờ kể từ thời điểm tiếp nhận yêu cầu để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm;

đ) Cung cấp công cụ để người bán truy cập tài khoản để tải về dữ liệu về hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trong vòng 01 năm từ thời điểm đăng tải; dữ liệu về hợp đồng giao kết trong vòng 03 năm kể từ thời điểm giao kết hợp đồng. Trường hợp tài khoản người bán bị tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động, chủ quản nền tảng bảo đảm cho người bán có thể truy cập tài khoản để tải về dữ liệu về hợp đồng giao kết đã thực hiện trước đó trong thời gian ít nhất 03 năm từ thời điểm tài khoản bị tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động;

g) Tạm ngừng, chấm dứt tài khoản người bán trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Thông báo cho người bán qua tài khoản người bán ít nhất 05 ngày trước khi tạm ngừng, chấm dứt hoặc áp đặt bất kỳ hạn chế nào đối với tài khoản người bán khi có lý do chính đáng, trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản này;

i) Cho phép người mua phản hồi, đánh giá về người bán và hàng hóa, dịch vụ do người bán cung cấp, hiển thị đầy đủ, chính xác kết quả phản hồi, đánh giá, trừ trường hợp phản hồi, đánh giá đó vi phạm quy định của pháp luật, trái đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục;

k) Bảo đảm khả năng truy cập thông tin và dữ liệu liên quan đến hợp đồng giao kết từ tài khoản người bán trong thời gian ít nhất 03 năm từ thời điểm giao kết hợp đồng trên nền tảng; bảo đảm khả năng truy xuất dữ liệu phục vụ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra, xử lý hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm pháp luật; thông tin và dữ liệu liên quan đến hợp đồng giao kết bao gồm ít nhất các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Thương mại điện tử;

l) Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hoặc liên đới chịu trách nhiệm bồi

thường thiệt hại trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định tại Điều này dẫn đến thiệt hại cho người mua. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến trên nền tảng theo quy định tại khoản 4 Điều này;
- c) Có hệ thống rà soát, cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; công khai các biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm, bao gồm các hành vi vi phạm điều kiện hoạt động và điều kiện giao dịch của nền tảng thương mại điện tử đã bị nền tảng thương mại điện tử xử lý mà lại tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm đó; báo cáo kết quả rà soát, cảnh báo, gỡ bỏ tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định này;
- d) Cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về dữ liệu giao dịch, mô tả thuật toán bao gồm giải thích thiết kế, lô-gíc, tính năng, mô phỏng có liên quan trực tiếp đến hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật;
- đ) Trường hợp nền tảng có hợp tác với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics, chủ quản nền tảng phải công khai trên nền tảng thông tin về tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics; hiển thị đầy đủ tên của tổ chức cung cấp dịch vụ đáp ứng tiêu chí cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics đối với hàng hóa, dịch vụ cụ thể và phù hợp với thỏa thuận hợp tác giữa các bên và cho phép người mua được lựa chọn tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, cung cấp dịch vụ logistics.

4. Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến trên nền tảng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Có quy trình rõ ràng, công khai, giao diện dễ dàng truy cập, thân thiện với người sử dụng và cho phép người sử dụng gửi phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, bằng chứng sơ bộ và theo dõi tiến trình giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại;

b) Sau khi nhận được phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, hệ thống phải tiếp nhận và xử lý kịp thời. Kể từ khi nhận được đầy đủ thông tin về phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, bằng chứng sơ bộ, chủ quản nền tảng phải nhanh chóng trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc gửi thông báo cho người bán và người sử dụng về các biện pháp nền tảng sẽ thực hiện và thời hạn thực hiện các biện pháp trên nền tảng. Trường hợp chưa nhận đầy đủ thông tin về phản ánh, yêu cầu, khiếu nại, bằng chứng sơ bộ, nền tảng phải thông báo ngay cho người gửi yêu cầu trong thời gian không quá 24 giờ và yêu cầu cụ thể các thông tin phải bổ sung;

c) Bảo đảm các quyết định được đưa ra không chỉ dựa trên cơ chế tự động mà phải có sự giám sát của con người. Trường hợp người bán chứng minh được người bán không vi phạm thỏa thuận và quy định của pháp luật mà do lỗi của hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến trên nền tảng, chủ quản nền tảng phải thực hiện các biện pháp khắc phục cho người bán và điều chỉnh lại hệ thống cho phù hợp.

Điều 20. Trách nhiệm của chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

1. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm quy định tại Điều 18 của Nghị định này;
- b) Cho phép tổ chức, cá nhân được lựa chọn, cập nhật thông tin tài khoản người bán khi thực hiện bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trên nền tảng;
- c) Công khai dấu hiệu nhận biết tài khoản người bán, dấu hiệu phải hiển thị rõ ràng, dễ nhận biết, không gây nhầm lẫn với tài khoản người sử dụng khác.

2. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định này;
- c) Bảo đảm khả năng truy cập thông tin và dữ liệu liên quan đến hợp đồng giao kết từ tài khoản người bán trong thời gian ít nhất 03 năm từ thời điểm giao kết hợp đồng trên nền tảng; bảo đảm khả năng truy xuất dữ liệu phục vụ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra, xử lý hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm pháp luật; thông tin và dữ liệu liên quan đến hợp

đồng giao kết bao gồm ít nhất các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật Thương mại điện tử.

3. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng livestream bán hàng, chức năng đặt hàng trực tuyến phải thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định này;
- c) Tách biệt nội dung thương mại điện tử gắn với chức năng đặt hàng trực tuyến thành chuyên mục riêng trên nền tảng theo nguyên tắc không xen lẫn nội dung với nhau.

4. Chủ quản mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này;
- b) Trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định này.

Điều 21. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp, nền tảng thương mại điện tử được tích hợp

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp thực hiện các trách nhiệm sau đây:

- a) Trách nhiệm quy định tại Điều 18 của Nghị định này;
- b) Không tích hợp nền tảng thương mại điện tử đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công khai thông báo vi phạm pháp luật trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử hoặc nền tảng thương mại điện tử không thuộc Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo, đăng ký;
- c) Thông báo rõ ràng với người sử dụng về tên nền tảng được tích hợp; quyền và nghĩa vụ của các bên; phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại; có cơ chế cho phép người dùng thể hiện sự đồng ý trước mỗi lần truy cập nền tảng được tích hợp; cho phép nội dung trên có thể truy cập và xem lại từ tài khoản người sử dụng;
- d) Xây dựng tiêu chí kỹ thuật, bảo mật và các điều kiện liên quan đến việc phân quyền, truy cập, kiểm soát, sử dụng dữ liệu giữa các bên, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu;

đ) Có công cụ cho phép nền tảng được tích hợp truy cập và sử dụng dữ liệu do nền tảng đó tạo ra trên nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo hợp đồng điện tử giữa hai bên và phải được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử đã được cấp phép;

e) Gỡ bỏ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với nền tảng được tích hợp có hành vi vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu;

g) Lưu trữ thông tin, dữ liệu trao đổi giữa nền tảng thương mại điện tử tích hợp với nền tảng được tích hợp trong thời gian ít nhất 03 năm và bảo đảm khả năng truy xuất dữ liệu phục vụ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra, xử lý hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc hành vi vi phạm pháp luật;

h) Kết nối trực tuyến với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để cập nhật danh sách các nền tảng thương mại điện tử được tích hợp ngay khi có sự thay đổi.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thực hiện các trách nhiệm sau đây:

a) Trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Không yêu cầu nền tảng được tích hợp phải sử dụng dịch vụ do nền tảng thương mại điện tử tích hợp cung cấp hoặc chỉ định như một điều kiện bắt buộc để được tích hợp, trừ trường hợp có thỏa thuận hợp tác rõ ràng, minh bạch;

c) Không ngăn cản các nền tảng được tích hợp thực hiện hoạt động kinh doanh hoặc giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ với nền tảng khác bên ngoài nền tảng thương mại điện tử tích hợp.

Điều 22. Trách nhiệm ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, tạm dừng hoặc chấm dứt cung cấp dịch vụ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các chủ thể hoạt động thương mại điện tử

1. Trường hợp phát hiện lỗi kỹ thuật liên quan đến việc phân quyền, truy cập, kiểm soát, sử dụng dữ liệu giữa các bên, chủ quản nền tảng thương mại điện tử tích hợp phát thông báo cho nền tảng thương mại điện tử tích hợp để khắc phục trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi phát hiện.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử và tổ chức cung ứng

dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán quy định tại Điều 33, 34 và 35 của Luật Thương mại điện tử có trách nhiệm thực hiện ngăn chặn hành vi vi phạm, tạm dừng cung cấp dịch vụ, gỡ bỏ nền tảng có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc vi phạm pháp luật trong thời gian không quá 24 giờ kể từ thời điểm nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Pháp nhân theo ủy quyền tại Việt Nam quy định tại Điều 30 của Luật Thương mại điện tử thực hiện gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 23. Báo cáo trực tuyến

1. Trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của năm trước đó trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo Mẫu số 10, 11, 12, 13 tại Phụ lục của Nghị định này tùy theo mô hình hoạt động, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trước ngày 10 tháng 01 hàng tháng, chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn và mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của tháng trước đó trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo Mẫu số 14 tại Phụ lục của Nghị định này tùy theo mô hình hoạt động.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn và mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến là nền tảng số lớn theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức quy định tại khoản 2 và 3 Điều 22 của Nghị định này thực hiện trách nhiệm báo cáo trực tuyến về kết quả gỡ bỏ thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử trong thời gian không quá 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo Mẫu số 15 tại Phụ lục của Nghị định này.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mục 1

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

KINH DOANH TRỰC TIẾP

Điều 24. Hồ sơ thông báo, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

a) Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến trong các trường hợp thay đổi những thông tin sau: thay đổi tên nền tảng; thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng; thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch hoặc thông tin liên hệ; thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, giao dịch trên nền tảng.

Hồ sơ sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

a) Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

3. Chấm dứt hồ sơ đã được xác nhận thông báo trong các trường hợp sau: dừng vận hành nền tảng thương mại điện tử; thay đổi mã số thuế; theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chủ quản nền tảng thương mại điện tử có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Hồ sơ chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến bao gồm:

a) Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có).

Điều 25. Quy trình thực hiện thủ tục thông báo nền tảng thương mại

điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Quy trình thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Sau khi mở tài khoản tại Cổng dịch vụ công quốc gia, chủ quản nền tảng thương mại điện tử đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:

- Xác nhận hồ sơ thông báo đầy đủ, hợp lệ; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Từ chối hồ sơ khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

4. Quy trình thực hiện sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo được thực hiện trực tuyến tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo sửa đổi, bổ sung thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ thông báo đầy đủ, hợp lệ; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. Trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm lần đầu nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ thông báo sẽ bị chấm dứt tự động và phải tiến hành thông báo lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin nền tảng bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Chấm dứt hồ sơ khi khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ; chủ quản nền tảng phải tiến hành thông báo lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin nền tảng bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

5. Chấm dứt thông tin đã thông báo được thực hiện trực tuyến tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo chấm dứt thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định;

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt thông tin thông báo. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Mục 2

QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRUNG GIAN, MẠNG XÃ HỘI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ, NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP

Điều 26. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp chỉ được vận hành nền tảng khi đáp ứng các điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này tương ứng với mô hình và chức năng hoạt động của nền tảng và sau khi được Bộ Công Thương xác nhận đăng ký.

2. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện

tử không có chức năng đặt hàng trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử tích hợp:

a) Có bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động thương mại điện tử và nhân sự chịu trách nhiệm quản lý bộ phận chuyên trách là người có quốc tịch Việt Nam.

b) Có giải pháp xác thực danh tính theo quy định của pháp luật về định danh điện tử;

c) Có biện pháp kiểm duyệt và xử lý nội dung thông tin vi phạm về hàng hóa, dịch vụ do người bán khởi tạo trước khi cho phép hiển thị;

d) Có cơ chế tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trên nền tảng thương mại điện tử;

đ) Có hệ thống thông tin phục vụ hoạt động thương mại điện tử đáp ứng tiêu chí cấp độ 03 trở lên theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo từng cấp độ; có phương án dự phòng bảo đảm an toàn và hoạt động liên tục của nền tảng thương mại điện tử trong trường hợp xảy ra sự cố;

e) Có giải pháp bảo đảm hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng lưu trữ trực tuyến đối với thông tin hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trên nền tảng trong thời gian ít nhất 01 năm từ thời điểm đăng tải;

g) Có hạ tầng kỹ thuật bảo đảm kết nối trực tuyến với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để thực hiện trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Có quy chế hoạt động thương mại điện tử công khai trên nền tảng;

3. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian có chức năng đặt hàng trực tuyến, livestream bán hàng, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến, livestream bán hàng:

a) Đáp ứng các điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có mô tả về việc sử dụng thuật toán hoặc biện pháp để hạn chế hoặc ưu tiên việc hiển thị hàng hoá, dịch vụ được sử dụng trên nền tảng;

c) Có giải pháp bảo đảm hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng lưu trữ trực tuyến tối thiểu 03 năm đối với hợp đồng đã giao kết từ thời điểm giao kết hợp đồng và lưu trữ tối thiểu 01 năm đối với dữ liệu về hình ảnh, âm thanh của hoạt động livestream bán hàng từ thời điểm bắt đầu truyền phát;

d) Có phương án tiếp nhận lại, xử lý hàng hóa do người bán cung cấp trong

trường hợp hàng hoá, dịch vụ đăng tải trên nền tảng không theo đúng nội dung đã thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết trên nền tảng.

đ) Có quy chế livestream bán hàng trong trường hợp nền tảng có tích hợp chức năng livestream bán hàng

e) Trường hợp chủ quản nền tảng thương mại điện tử là đơn vị giữ tiền của người bán trong giao dịch trên nền tảng, hợp đồng điện tử giữa chủ quản nền tảng và người bán phải nêu rõ các quyền và trách nhiệm liên quan đến việc giữ, đối soát, rút tiền và hợp đồng này phải được chứng thực bởi tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép.

Điều 27: Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp bao gồm:

a) Tờ khai trực tuyến thông tin đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Đề án hoạt động thương mại điện tử theo nội dung quy định tại khoản 8 Điều này. Mẫu Đề án theo Mẫu số 07 tại Phụ lục;

d) Quy chế quản lý hoạt động thương mại điện tử;

đ) Quy chế hoạt động livestream bán hàng trong trường hợp nền tảng có hoạt động livestream bán hàng;

e) Mẫu hợp đồng, thoả thuận giữa người bán với chủ quản nền tảng.

2. Quy trình đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Nghị định này.

Điều 28. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại

điện tử tích hợp

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã được xác nhận đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp trong các trường hợp thay đổi những thông tin sau:

- a) Thay đổi tên nền tảng;
- b) Thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng;
- c) Thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch hoặc thông tin liên hệ;
- d) Thay đổi quy chế hoạt động của nền tảng;
- đ) Thay đổi quy chế livestream bán hàng;
- e) Thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, giao dịch trên nền tảng;
- g) Thay đổi các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ;
- h) Thay đổi hoặc bổ sung dịch vụ cung cấp trên website;

2. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp:

- a) Tờ khai trực tuyến thông tin về nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục;
- b) Tài liệu, văn bản chứng minh các lý do cần sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Quy trình, thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 31 của Nghị định này.

Điều 29. Hồ sơ đề nghị chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện thủ tục chấm dứt hồ sơ đã được xác nhận đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp trong các trường hợp sau:

- a) Dừng vận hành nền tảng thương mại điện tử;

b) Thay đổi mã số thuế;

c) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chủ quản nền tảng thương mại điện tử có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp, bao gồm:

a) Tờ khai trực tuyến đề nghị chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có).

3. Quy trình, thủ tục chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 31 của Nghị định này.

Điều 30. Nội dung Đề án hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Đề án hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp bao gồm ít nhất các nội dung sau:

a) Thông tin chung về đơn vị quản lý, vận hành nền tảng, bao gồm: tên, hình thức đầu tư, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, phương thức liên hệ, phạm vi hoạt động của nền tảng;

b) Mô tả mô hình hoạt động của nền tảng thương mại điện tử, các chức năng, tính năng chính và quy trình vận hành nền tảng; chức năng đặt hàng trực tuyến; chức năng livestream bán hàng; hệ thống thông tin tự động giao kết hợp đồng điện tử; chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng hoặc các công cụ hỗ trợ giao kết hợp đồng khác;

c) Mô tả quy chế hoạt động của nền tảng thương mại điện tử, các chủ thể tham gia nền tảng, nội dung hợp tác, quyền và nghĩa vụ của các bên, bao gồm bên bán, bên mua, bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử trên nền tảng trong trường hợp có sự tham gia của các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử;

đ) Mô tả phương án xác thực điện tử danh tính người tham gia nền tảng,

bao gồm việc thu thập, kiểm tra và lưu trữ thông tin của người bán; quy trình quản lý, kiểm soát thông tin đăng tải trên nền tảng;

e) Mô tả phương án tổ chức, thực hiện quy chế hoạt động của nền tảng, bao gồm thực thi trách nhiệm của các chủ thể tham gia nền tảng, bao gồm chủ quản nền tảng, người bán, người mua và các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử, phù hợp với quy định của pháp luật về thương mại điện tử;

g) Mô tả nguyên tắc quản lý, lưu trữ, truy xuất và cung cấp dữ liệu giao dịch trên nền tảng phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

h) Mô tả quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình phát hiện, xử lý vi phạm trên nền tảng và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

2. Trường hợp là nền tảng số lớn, nội dung đề án hoạt động thương mại điện tử phải bao gồm nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và có nội dung mô tả quy trình vận hành Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến và nhân sự chịu trách nhiệm quản lý là người có quốc tịch Việt Nam và biện pháp rà soát, cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật và có biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm trên nền tảng.

Điều 31. Quy trình thực hiện thủ tục đăng ký, sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký, chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Đăng ký hồ sơ được thực hiện trực tuyến theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Sau khi đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện

tử, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau đây:

- Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ; thông tin nền tảng được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Từ chối hồ sơ khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

4. Sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ đã đăng ký theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Sau khi đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:

- Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ; thông tin hồ sơ được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã thực hiện đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. Trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm lần đầu nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ đăng ký sẽ bị chấm dứt tự động và phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Chấm dứt hồ sơ khi khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ; chủ quản nền tảng phải tiến hành phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

5. Chấm dứt thông tin đăng ký được thực hiện trực tuyến tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực

hiện khai báo chấm dứt đăng ký theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định;

Bước 2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt đăng ký. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Chương IV **THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI**

Mục 1 **QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ** **NƯỚC NGOÀI**

Điều 32. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

1. Nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam, chủ quản nền tảng chỉ được vận hành nền tảng tại Việt Nam sau khi đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

2. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến:

a) Tờ khai trực tuyến thông tin đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác khi kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Tài liệu chỉ định pháp nhân tại Việt Nam theo uỷ quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử nước ngoài;

3. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến:

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã được xác nhận đăng ký trong các trường hợp thay đổi những thông tin sau: thay đổi tên nền tảng; thay đổi người chịu trách nhiệm quản lý và vận hành nền tảng; thay đổi pháp nhân được chỉ định theo uỷ quyền; thay đổi địa chỉ trụ sở giao dịch hoặc thông tin liên hệ; thay đổi nội dung công khai về điều kiện hoạt động, giao dịch trên nền tảng. Hồ sơ sửa đổi, bổ sung đăng ký bao gồm:

a) Tờ khai trực tuyến sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

4. Hồ sơ chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến:

Chủ quản nền tảng thương mại điện tử thực hiện thủ tục chấm dứt hồ sơ đã được xác nhận đăng ký trong các trường hợp sau: dừng vận hành nền tảng thương mại điện tử; thay đổi giấy phép kinh doanh, mã số thuế hoặc các giấy tờ tương tự khác; theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi chủ quản nền tảng thương mại điện tử có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hồ sơ đề nghị chấm dứt đăng ký bao gồm:

a) Tờ khai trực tuyến chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt đăng ký (nếu có);

5. Quy trình thực hiện thủ tục đăng ký trực tuyến nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này.

Điều 33. Quy trình thực hiện thủ tục đăng ký nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Việc nộp và nhận kết quả hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến được thực hiện trực tuyến qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Đăng ký hồ sơ được thực hiện trực tuyến theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Sau khi đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:

- Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ; thông tin hồ sơ được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Từ chối hồ sơ khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1.

4. Sửa đổi, bổ sung thông tin hồ sơ đã đăng ký theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Sau khi đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:

- Xác nhận hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ; thông tin hồ sơ được công khai tại Danh sách nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp đã thực hiện đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Chủ quản nền tảng thực hiện lại Bước 1. Trong vòng 60 ngày kể từ thời điểm lần đầu nhận được yêu cầu làm rõ thông tin hồ sơ sửa đổi, bổ sung, nếu chủ quản nền tảng không có phản hồi hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hồ sơ đăng ký sẽ bị chấm dứt tự động và phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

- Chấm dứt hồ sơ khi khai báo chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ; chủ quản nền tảng phải tiến hành phải tiến hành đăng ký lại theo quy trình tại khoản 3 Điều này. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

5. Chấm dứt thông tin đã đăng ký được thực hiện trực tuyến tại Hệ thống

quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Đăng nhập Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện khai báo chấm dứt đăng ký theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định;

Bước 2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, chủ quản nền tảng nhận phản hồi về nội dung xác nhận việc chấm dứt đăng ký. Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận đăng ký trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Điều 34. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài

1. Nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam, chủ quản nền tảng chỉ được vận hành nền tảng tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này và sau khi đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại khoản 6 Điều này.

2. Nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có cơ chế cho phép lựa chọn ngôn ngữ tiếng Việt trên nền tảng hoặc nền tảng có sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc nền tảng đạt ngưỡng giao dịch từ 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trở lên trong một năm với người mua tại Việt Nam, chủ quản nền tảng chỉ được vận hành nền tảng tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều này và sau khi đăng ký trực tuyến với Bộ Công Thương thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại khoản 6 Điều này.

3. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

- a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định này;
- b) Người được chỉ định đại diện theo uỷ quyền tại Việt Nam theo quy định

tại khoản 3 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử là người có quốc tịch Việt Nam.

4. Điều kiện về quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử:

- a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Nghị định này;
- b) Thực hiện ký quỹ ít nhất 10 tỷ đồng Việt Nam tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam; tiền ký quỹ phải được duy trì trong suốt thời gian nền tảng hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam;
- c) Người chịu trách nhiệm về hoạt động thương mại điện tử tại pháp nhân được chỉ định tại Việt Nam theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Luật Thương mại điện tử là người có quốc tịch Việt Nam.

5. Hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

- a) Các nội dung hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị định này;
- b) Tài liệu chỉ định đại diện tại Việt Nam theo uỷ quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài không có chức năng đặt hàng trực tuyến; hoặc tài liệu chỉ định một pháp nhân tại Việt Nam theo uỷ quyền của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài;

- c) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

6. Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

a) Tờ khai trực tuyến sửa đổi, bổ sung thông tin đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

7. Chấm dứt đăng ký đối với nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam:

a) Tờ khai trực tuyến đề nghị chấm dứt nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam theo Mẫu số 04 tại Phụ lục;

b) Tài liệu, văn bản chứng minh lý do chấm dứt (nếu có);

8. Quy trình thực hiện đăng ký, sửa đổi, bổ sung hồ sơ đã đăng ký, chấm dứt đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Nghị định này.

Mục 2

KÝ QUỸ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI

Điều 35. Tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ là khoản tiền đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 của Nghị định này.

2. Chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm mở tài khoản ký quỹ và ký quỹ một khoản tiền không thấp hơn 10 tỷ đồng (mười tỷ đồng) tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương xác nhận bằng văn bản các nội dung liên quan đến văn bản xác nhận ký quỹ khi có yêu cầu.

4. Trường hợp có thay đổi thông tin trên văn bản xác nhận ký quỹ, chủ quản nền tảng có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh văn bản xác nhận ký quỹ với ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

5. Khoản tiền ký quỹ được phong tỏa trong suốt thời gian hoạt động của nền tảng và chỉ được rút, sử dụng khi có văn bản chấp thuận rút tiền ký quỹ của Bộ Công Thương.

6. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ chịu trách nhiệm quản lý khoản tiền ký quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ được hưởng lãi suất trên khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và được phép rút tiền lãi từ khoản tiền ký quỹ.

Điều 36. Rút tiền ký quỹ

1. Chủ quản nền tảng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 được rút tiền ký quỹ khi có xác nhận của Bộ Công Thương về một trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ quản nền tảng đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam khác;

b) Chủ quản nền tảng bị từ chối hồ sơ đăng ký nền tảng thương mại điện tử;

c) Chủ quản nền tảng đã chấm dứt hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam và đã hoàn thành việc bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng, các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

2. Ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng ký quỹ có trách nhiệm xác nhận với Bộ Công Thương bằng văn bản trước khi cho phép doanh nghiệp rút tiền ký quỹ.

Điều 37. Hồ sơ, trình tự, thủ tục rút tiền ký quỹ

1. Trường hợp rút tiền ký quỹ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Nghị định này, sau ít nhất 30 ngày kể từ khi có xác nhận đã ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam khác, chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều 35 gửi Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương.

Trường hợp rút tiền ký quỹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 của Nghị định này, ngay sau khi bị từ chối hồ sơ đăng ký, chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều 35 có thể gửi Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương bằng văn bản.

Trường hợp rút tiền ký quỹ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 36 của Nghị định này, sau thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bộ Công Thương công khai xác nhận chấm dứt hoạt động của nền tảng trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, chủ quản nền tảng quy định tại khoản 1 Điều 35 có thể gửi đề nghị rút tiền ký quỹ tới Bộ Công Thương. Trong thời hạn này, người tiêu dùng, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo tới Bộ Công Thương về việc chủ quản nền tảng chưa hoàn thành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nếu có; trường hợp không có thông báo, Bộ Công Thương ban hành văn bản chấp thuận cho chủ quản nền tảng rút tiền ký quỹ.

2. Hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ bao gồm:

- a) Giấy đề nghị rút tiền ký quỹ theo Mẫu số 06 tại Phụ lục;
- b) Văn bản xác nhận ký quỹ tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng thực hiện ký quỹ;
- c) Tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nếu có.

3. Thủ tục rút tiền ký quỹ:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị rút tiền ký quỹ và phản hồi một trong các trường hợp sau:

- a) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương gửi văn bản chấp thuận cho chủ quản nền tảng ký quỹ thực hiện rút khoản tiền ký quỹ;
- b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương thông báo hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ kèm lý do. Chủ quản nền tảng ký quỹ có trách nhiệm hoàn thiện và gửi lại hồ sơ.

Điều 38. Xử lý khoản tiền đã ký quỹ

1. Tiền ký quỹ được sử dụng trong các trường hợp sau đây:

- a) Chủ quản nền tảng ký quỹ chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện

tử nhưng không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người tiêu dùng và có quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền về các nghĩa vụ đó;

b) Chủ quản nền tảng ký quỹ chấm dứt hoạt động nền tảng thương mại điện tử nhưng chưa hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Người tiêu dùng gửi Giấy đề nghị sử dụng tiền ký quỹ và các bản án, quyết định nêu tại điểm a khoản 1 Điều này tới Bộ Công Thương thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận các tài liệu quy định tại điểm a khoản này, Bộ Công Thương có trách nhiệm phản hồi một trong các trường hợp sau đây:

- Trường hợp các tài liệu quy định tại điểm a khoản này không đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương yêu cầu người có đề nghị sửa đổi, bổ sung. Thời hạn sửa đổi, bổ sung không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương ban hành thông báo.

- Trường hợp các tài liệu quy định tại điểm a khoản này đã đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ, Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi chủ quản nền tảng ký quỹ trích tiền ký quỹ cho người có đề nghị sử dụng tiền ký quỹ.

3. Trình tự, thủ tục sử dụng tiền ký quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

Trường hợp tổ chức chấm dứt hoạt động nhưng không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm đã có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ban hành quyết định xử phạt đó gửi văn bản đề nghị Bộ Công Thương ban hành văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi doanh nghiệp ký quỹ trích khoản tiền ký quỹ để thực hiện quyết định xử phạt.

Mục 3

ĐIỀU KIỆN TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 39. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực thương mại điện tử

1. Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài vào hoạt động quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp bao gồm:

a) Hình thức đầu tư gồm thành lập tổ chức kinh tế hoặc đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư;

b) Nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp là nền tảng số lớn theo pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng phải có ý kiến thẩm định của Bộ Công an về an ninh quốc gia.

2. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối tổ chức là chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này là khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ quyền sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết của tổ chức;

b) Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc hoặc tổng giám đốc của tổ chức;

c) Nhà đầu tư có quyền quyết định các vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của tổ chức bao gồm việc lựa chọn nền tảng công nghệ, hình thức tổ chức kinh doanh; lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; lựa chọn điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh; lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn kinh doanh của tổ chức đó.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến thẩm định của Bộ Công an bằng văn bản về an ninh quốc gia trong quá trình xem xét việc đề nghị cấp, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh của chủ quản nền tảng thương mại điện tử quy định tại điểm b khoản 1 Điều này theo quy định của Chính phủ về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Bộ Công an có ý kiến thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều này trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Thời hạn lấy ý kiến Bộ Công

an không tính vào thời hạn xem xét cấp Giấy phép kinh doanh.

Chương V

DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Bảo đảm tính bảo mật, tính toàn vẹn và khả năng xác thực của hợp đồng điện tử được lưu trữ và chứng thực thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ của mình.

2. Cử đầu mối liên hệ trực tuyến, cung cấp tài liệu và hỗ trợ cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

3. Công khai quy chế hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại tại vị trí dễ thấy, bằng ngôn ngữ tiếng Việt trên hệ thống cung cấp dịch vụ của mình.

4. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại báo cáo trực tuyến về tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại của năm trước đó tại Mẫu số 16 tại Phụ lục của Nghị định này thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

5. Lưu trữ đầy đủ và bảo đảm an toàn dữ liệu về hợp đồng điện tử được giao kết thông qua hệ thống thông tin tự động theo thỏa thuận hợp đồng với chủ thể trong hợp đồng điện tử và bảo đảm khả năng truy cập dữ liệu về hợp đồng điện tử được giao kết thông qua hệ thống thông tin tự động trong thời gian ít nhất 03 năm kể từ thời điểm giao kết hợp đồng trên nền tảng.

Điều 41. Điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Các tổ chức cung cấp dịch vụ tin cậy được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại khi đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này. Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có thời hạn 10 năm.

2. Điều kiện về nhân lực, hạ tầng kỹ thuật và quy chế chứng thực hợp đồng

điện tử trong thương mại bao gồm:

a) Có sử dụng phần mềm ký số và sử dụng dịch vụ cấp dấu thời gian tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử;

b) Nhân lực chịu trách nhiệm về an toàn, an ninh thông tin, bảo mật có trình độ từ đại học trở lên về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và có kinh nghiệm tối thiểu 03 năm tương ứng với ngành được đào tạo;

c) Nhân lực chịu trách nhiệm về quản trị, vận hành, kiểm toán kỹ thuật, cấp, tạm dừng, huỷ, cài đặt và bảo hành, giám sát và kiểm tra, quản lý hệ thống thông tin phục vụ dịch vụ chứng thực có trình độ từ đại học trở lên về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và tương đương, có kinh nghiệm tối thiểu 02 năm tương ứng với ngành được đào tạo;

d) Có hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đặt tại Việt Nam;

đ) Có hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin mạng tối thiểu cấp độ 03 theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;

e) Có phương án dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, các quy trình thực hiện sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu, có khả năng phục hồi dữ liệu chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố; trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20 kilomet và sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố.

g) Có phương án cảnh báo, ngăn chặn và phát hiện truy nhập bất hợp pháp trên môi trường điện tử;

h) Có quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, bao gồm ít nhất các nội dung sau đây: thông tin liên hệ của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử; mô tả mô hình tổ chức cung cấp dịch vụ; quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan; cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa các bên liên quan; biện pháp rà soát và xử lý hành vi vi phạm.

3. Điều kiện giải pháp đồng bộ, kết nối, xác thực dữ liệu về hợp đồng điện tử trong thương mại theo thời gian thực bao gồm:

a) Có biện pháp xác thực danh tính điện tử theo quy định của pháp luật về

định danh và xác thực điện tử đối với người tham gia giao kết hợp đồng;

b) Có biện pháp kỹ thuật để tổ chức, cá nhân tham gia giao kết hợp đồng đã được định danh điện tử thể hiện sự đồng ý với các điều khoản, điều kiện trong hợp đồng giao kết;

c) Có giải pháp kỹ thuật đồng bộ, kết nối với hệ thống giám sát chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được tích hợp trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử, bảo đảm khả năng truyền dữ liệu hợp đồng được chứng thực;

d) Có giải pháp lưu trữ các thông tin về quá trình giao kết và chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Có giải pháp lưu trữ đầy đủ và bảo đảm an toàn dữ liệu về hợp đồng điện tử được giao kết qua hệ thống thông tin tự động trong thời gian ít nhất là 10 năm kể từ thời điểm hợp đồng được chứng thực;

e) Có phương án bảo đảm khả năng tra cứu hợp đồng điện tử giao kết đã được chứng thực.

Điều 42. Hồ sơ cấp phép, cấp phép lại, thu hồi giấy phép đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Hồ sơ cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại:

a) Tờ khai trực tuyến thông tin về cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Bản chụp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc các văn bản tương tự khác chứng minh đáp ứng các điều kiện kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (nếu có);

c) Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại mô tả việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định tại Điều 43 của Nghị định này và theo Mẫu số 08 tại Phụ lục của Nghị định này;

d) Tài liệu, giấy tờ chứng minh việc đã thực hiện ký quỹ tại một ngân hàng thương mại tại Việt Nam hoặc có bảo hiểm trách nhiệm, thiệt hại đối với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại.

2. Hồ sơ cấp phép lại đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong

thương mại:

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện thủ tục cấp phép lại trong trường hợp thay đổi một trong những thông tin sau: người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ; địa chỉ trụ sở giao dịch; nội dung công khai về quy chế chứng thực; nội dung đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng. Hồ sơ đề nghị cấp phép lại bao gồm:

a) Tờ khai trực tuyến đề nghị cấp phép lại hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép (đối với trường hợp đổi tên, thay đổi các nội dung đã được cấp phép).

3. Thu hồi giấy phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có đề nghị dừng cung cấp dịch vụ. Hồ sơ đề nghị dừng cung cấp dịch vụ từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có hành vi vi phạm pháp luật.

4. Hồ sơ đề nghị dừng cung cấp dịch vụ từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại:

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện thủ tục chấm dứt hồ sơ đã được cấp phép trong các trường hợp sau: dừng cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; thay đổi mã số thuế; theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi tổ chức thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hồ sơ đề nghị dừng cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm:

a) Tờ khai trực tuyến đề nghị dừng cung cấp dịch vụ từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại theo Mẫu số 05 tại Phụ lục của Nghị định này;

b) Tài liệu (nếu có).

Điều 43. Nội dung Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

Nội dung Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại bao gồm ít nhất các nội dung sau:

a) Thông tin chung về tổ chức cung cấp dịch vụ, bao gồm: tên, loại hình doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, phương thức liên hệ, phạm vi cung cấp dịch vụ, giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Mô tả quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; mô hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, quy trình tiếp nhận, xác thực, chứng thực, cấp dấu thời gian, lưu trữ, tra cứu và cung cấp thông tin hợp đồng điện tử; chức năng, tính năng chính của hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ;

c) Mô tả giải pháp kỹ thuật về ký số, dấu thời gian, xác thực danh tính điện tử, bảo đảm tổ chức, cá nhân tham gia giao kết hợp đồng thể hiện sự đồng ý đối với nội dung hợp đồng;

d) Mô tả phương án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu; biện pháp cảnh báo, phát hiện và ngăn chặn truy nhập trái phép; phương án phân quyền truy cập, kiểm soát rủi ro và bảo vệ dữ liệu;

đ) Mô tả hạ tầng kỹ thuật, vị trí đặt hệ thống thông tin tại Việt Nam; phương án sao lưu, dự phòng, khôi phục dữ liệu, bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục khi xảy ra sự cố;

e) Mô tả nhân sự chủ chốt phụ trách an toàn thông tin, quản trị, vận hành, kiểm toán kỹ thuật và quản lý hệ thống; trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và cơ chế phân công trách nhiệm;

g) Mô tả giải pháp đồng bộ, kết nối, truyền nhận và chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử; phương án cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Mô tả phương án lưu trữ, bảo quản dữ liệu hợp đồng điện tử, thời hạn lưu trữ, khả năng tra cứu, cung cấp bản sao hoặc chứng cứ điện tử phục vụ giải quyết tranh chấp;

i) Mô tả quy trình tiếp nhận, xử lý yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình xử lý sự cố kỹ thuật, vi phạm an toàn thông tin và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Quy chế chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại và chính sách cung cấp dịch vụ được công khai trên hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ theo

quy định.

Điều 44. Quy trình, thủ tục cấp phép, cấp phép lại, thu hồi giấy phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Việc nộp, tiếp nhận, xử lý hồ sơ cấp phép, cấp phép lại, thu hồi giấy phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại được Bộ Công Thương thực hiện trực tuyến qua Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ www.online.gov.vn đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tổ chức cung cấp dịch vụ truy cập Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia để đăng ký mở tài khoản trước khi tiến hành khai báo hồ sơ thông báo hoạt động thương mại điện tử.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ có trách nhiệm theo dõi địa chỉ thư điện tử và tài khoản đã đăng ký với Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử để cập nhật trạng thái hồ sơ và sửa đổi, bổ sung thông tin theo yêu cầu.

3. Đề nghị cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Các tổ chức đăng nhập tài khoản đã được cấp trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia (hệ thống) để tiến hành khai báo thông tin theo mẫu và đính kèm hồ sơ đăng ký theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, các tổ chức nhận thông tin phản hồi về một trong các nội dung sau:

- Xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai tại Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp phép hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, Bộ Công Thương có trách nhiệm thông báo cho ngân hàng nơi doanh nghiệp ký quỹ.

- Thông báo hồ sơ không hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung thông tin. Tổ chức quay về Bước 1 để khai báo lại theo yêu cầu.

4. Đề nghị cấp phép lại đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1. Đăng nhập Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện đề nghị cấp phép lại theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định; trạng thái hồ sơ chuyển từ đã cấp phép sang đề nghị cấp phép lại và công khai tại

Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Bước 2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, tổ chức nhận phản hồi về một trong các nội dung sau:

- Xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ được công khai cập nhật tại Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử

- Thông báo hồ sơ không hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung thông tin. Tổ chức quay về Bước 1 để khai báo lại theo yêu cầu. Tổ chức

Thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

5. Đề nghị thu hồi giấy phép đã cấp đối với hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại thực hiện theo quy trình 02 bước như sau:

Bước 1: Đăng nhập Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử, thực hiện đề nghị thu hồi giấy phép đã cấp lại theo mẫu và đính kèm tài liệu nếu có theo quy định.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, thông tin hồ sơ bị rút khỏi Danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép trên Hệ thống Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

Chương VI

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Mục 1

HỆ THỐNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 45. Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử

1. Bộ Công Thương là đơn vị xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử tại địa chỉ online.gov.vn, kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp nhận và xử lý hồ sơ thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh có chức năng đặt hàng trực tuyến; quản lý và khai thác dữ liệu hoạt động thương mại điện tử theo địa bàn tỉnh, thành phố đồng bộ và thống nhất tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

3. Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử có các chức năng sau

đây:

a) Việc tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính trực tuyến trong lĩnh vực thương mại điện tử trên phạm vi cả nước được liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia. Hệ thống trả kết quả thủ tục hành chính đối với nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại là biểu tượng xác nhận điện tử tương ứng đã thông báo, đã đăng ký, đã được cấp phép gắn trên nền tảng số đó. Khi chọn biểu tượng này, người sử dụng được dẫn về thông tin công bố tại Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

b) Việc tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của tổ chức, cá nhân về các nền tảng thương mại điện tử, người bán, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử vi phạm pháp luật được thực hiện trên hệ thống thông tin bao gồm: thông tin về tổ chức/cá nhân gửi phản ánh, yêu cầu, khiếu nại (tên, số căn cước công dân, địa chỉ trụ sở của tổ chức/nơi cư trú của cá nhân); tên nền tảng thương mại điện tử phản ánh/tên người bán/tên tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử bị phản ánh; lý do phản ánh; bản chụp tài liệu/giấy tờ chứng minh.

Mẫu khai thông tin trực tuyến phản ánh, yêu cầu, khiếu nại tại Phụ lục..., Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại gửi hợp lệ sẽ được ghi nhận tại hệ thống và cho phép người gửi theo dõi kết quả xử lý.

c) Giám sát hoạt động thương mại điện tử thông qua hệ thống giám sát dựa trên cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử; phản ánh, yêu cầu, khiếu nại hợp lệ để có cảnh báo công khai rủi ro về các nền tảng thương mại điện tử hoặc thông tin hàng hoá, dịch vụ có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

d) Giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử thông qua hệ thống giám sát dựa trên dữ liệu về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại do tổ chức cung cấp;

đ) Tiếp nhận, xử lý các báo cáo trực tuyến về thương mại điện tử theo quy định tại Điều 23 của Nghị định này;

e) Công bố danh sách nền tảng thương mại điện tử đã được xác nhận thông báo, đăng ký, danh sách các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đã được cấp phép, bao gồm: tên nền tảng thương mại điện tử theo thông báo hoặc đăng ký; tên và thông tin liên hệ của chủ quản nền tảng hoặc tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; số đăng ký kinh doanh của chủ quản nền tảng thương mại điện tử hoặc hoặc số đăng

ký kinh doanh của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại hoặc mã số thuế cá nhân của cá nhân là chủ quản nền tảng thương mại điện tử.

Mục 2

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Điều 46. Phạm vi dữ liệu của Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử bao gồm các thông tin sau đây:

1. Dữ liệu về quản lý hoạt động thương mại điện tử bao gồm:

a) Thông tin về nền tảng thương mại điện tử đã thực hiện thủ tục thông báo/đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

b) Thông tin về nền tảng thương mại điện tử bị phản ánh, vi phạm pháp luật.

c) Kết quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong thương mại điện tử.

d) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử;

d) Quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển TMĐT quốc gia, địa phương.

e) Dữ liệu về dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại: bao gồm thông tin về các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; thông tin hợp đồng đã được chứng thực, thời điểm chứng thực, tình trạng hiệu lực.

g) Thông tin khiếu nại, phản ánh của người tiêu dùng, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trên Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử;

h) Thông tin yêu cầu gỡ bỏ, rà soát hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

i) Thông tin về hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa nhập lậu, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ hoặc hàng hóa vi phạm quy định của pháp luật khác trong lĩnh vực thương mại điện tử.

k) Các thông tin liên thông với các cơ sở dữ liệu khác.

2. Dữ liệu về thống kê thương mại điện tử bao gồm:

a) Thông tin giao kết hợp đồng;

- b) Thông tin về người mua, người bán của giao dịch;
- c) Thông tin về livestream bán hàng, tiếp thị liên kết;
- d) Thống kê về giá trị giao dịch toàn thị trường;
- đ) Thống kê doanh thu theo ngành hàng, lĩnh vực;

3. Dữ liệu về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua thương mại điện tử bao gồm:

- a) Tờ khai hải quan điện tử, thông tin khai báo hàng hóa qua thương mại điện tử;
- b) Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu qua thương mại điện tử;
- c) Thống kê về trị giá, số lượng, quốc gia xuất xứ/nhập khẩu qua thương mại điện tử;
- d) Thông tin về chính sách quản lý chuyên ngành áp dụng đối với hàng hóa qua thương mại điện tử

4. Dữ liệu về thuế trong thương mại điện tử bao gồm:

- a) Doanh thu tính thuế của người bán;
- b) Thông tin nộp thuế qua các nền tảng thương mại điện tử;

5. Dữ liệu về vận chuyển, giao nhận trong thương mại điện tử bao gồm:

- a) Thông tin đơn hàng: mã vận đơn, thời gian giao nhận qua thương mại điện tử.
- b) Thông tin về đơn vị vận chuyển, kho bãi, tuyến đường vận chuyển.

6. Dữ liệu về dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán trong thương mại điện tử

- a) Thống kê theo hình thức thanh toán: thẻ, ví điện tử, COD, chuyển khoản.
- b) Dữ liệu về đơn vị trung gian thanh toán tham gia.
- c) Thống kê Số liệu giao dịch, khiếu nại, rủi ro phát sinh.

Điều 47. Nguồn thông tin xây dựng, cập nhật trong Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

1. Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử được tạo lập, thu thập, cập nhật và đồng bộ từ các nguồn sau:

- a) Dữ liệu quản lý, tích hợp, thống kê trong lĩnh vực thương mại điện tử của

Bộ Công Thương;

b) Dữ liệu được chia sẻ, đồng bộ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu do bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có liên quan đến phạm vi dữ liệu được quy định tại Điều 46 Nghị định này;

d) Dữ liệu đồng bộ từ các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại, nền tảng cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử.

đ) Dữ liệu là kết quả của quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực thương mại điện tử;

e) Dữ liệu từ các báo cáo thống kê trong lĩnh vực thương mại điện tử và các lĩnh vực liên quan đã được số hóa, cung cấp, tích hợp bởi cá nhân, tổ chức.

2. Các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu có liên quan đến phạm vi dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin tại Điều 46 Nghị định này, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng của dữ liệu được cập nhật, chia sẻ.

3. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, chất lượng dữ liệu, tuân thủ quy định của pháp luật về dữ liệu, pháp luật về thương mại điện tử và pháp luật khác có liên quan.

Điều 48. Phạm vi, phương thức và thời hạn thu thập thông tin trong Cơ sở dữ liệu Thương mại điện tử

1. Phạm vi cung cấp, cập nhật thông tin:

a) Thông tin quy định tại khoản 1, 2 Điều 46 do Bộ Công Thương và các nền tảng thương mại điện tử cung cấp, cập nhật;

b) Thông tin quy định khoản 3,4 Điều 46 do Bộ Tài chính cung cấp, cập nhật;

c) Thông tin quy định tại khoản 5 Điều 46 do các tổ chức cung cấp dịch vụ logistics hỗ trợ thương mại điện tử cung cấp, cập nhật;

d) Thông tin quy định tại khoản 6 Điều 46 do các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán hỗ trợ thương mại điện tử cung cấp, cập nhật.

2. Phương thức cung cấp, cập nhật thông tin:

a) Việc cung cấp, cập nhật thông tin của nền tảng thương mại điện tử phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử được thực hiện dưới dạng kết nối trực tuyến thông qua API của Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử hoặc dưới dạng các tệp dữ liệu điện tử do Bộ Công Thương hướng dẫn.

Trường hợp nền tảng thương mại điện tử trung gian là nền tảng số lớn, dữ liệu về giao dịch thương mại điện tử phải được kết nối trực tiếp thông qua API của Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử.

b) Các cơ quan nhà nước quản lý các Cơ sở dữ liệu có liên quan đến thương mại điện tử phải thực hiện kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử theo quy định tại Điều 17 Luật Dữ liệu và bảo đảm doanh nghiệp không phải cung cấp trùng lặp thông tin cho nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau.

c) Việc kết nối Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử với các cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Dữ liệu.

3. Thời hạn cung cấp, cập nhật thông tin

a) Thông tin quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này được cung cấp theo thời gian được quy định tại Điều 23 Nghị định này.

b) Thông tin quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này được đồng bộ giữa các Cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước có liên quan theo định kỳ.

4. Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn phương thức kết nối thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API).

Điều 49. Sử dụng, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

1. Việc sử dụng, khai thác thông tin từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Bộ Công Thương sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước về thương mại điện tử;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ công tác quản lý nhà nước theo thẩm quyền;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin từ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. (dữ liệu

mở)

2. Phương thức khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử bao gồm:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu chuyên ngành; cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác với Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử;

b) Thông qua Cổng dữ liệu quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Công Thương;

c) Nền tảng định danh và xác thực điện tử;

d) Ứng dụng định danh quốc gia;

đ) Thiết bị, phương tiện, phần mềm do đơn vị quản lý, duy trì dữ liệu cung cấp;

e) Phương thức khác khi được Bộ Công Thương chấp thuận.

Điều 50. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật về Cơ sở dữ liệu Thương mại điện tử;

b) Tổ chức xây dựng, vận hành, bảo trì, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử tại trung ương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong phạm vi cả nước;

c) Thu thập, cập nhật, tiếp nhận và quản lý cơ sở dữ liệu thương mại điện tử;

d) Kết nối, chia sẻ thông tin từ cơ sở dữ liệu thương mại điện tử với cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, cổng dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các Bộ, ngành, địa phương có liên quan theo phạm vi được phân công;

đ) Cung cấp thông tin về thương mại điện tử cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong

khai thác, chia sẻ cơ sở dữ liệu thương mại điện tử.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây:

Kết nối, chia sẻ, đồng bộ thông tin Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; Cơ sở dữ liệu về thuế; Cơ sở dữ liệu quốc gia về hải quan với Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử.

3. Bộ Công an có trách nhiệm sau đây:

Kết nối, chia sẻ và đồng bộ thông tin danh tính điện tử của cơ quan, tổ chức và thông tin cơ bản của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia thương mại điện tử.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

Xây dựng, cập nhật, kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu liên quan do cơ quan quản lý với Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện việc tạo lập, thu thập dữ liệu thương mại điện tử để hình thành các cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử phục vụ công tác quản lý và sử dụng dữ liệu tại địa phương.

b) Kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu liên quan đến thương mại điện tử do địa phương quản lý với Cơ sở dữ liệu về thương mại điện tử

6. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo lập, thu thập, chuẩn hóa dữ liệu và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu của đơn vị với Cơ sở dữ liệu thương mại điện tử theo quy định tại Điều 18 Luật Dữ liệu và quy định tại Nghị định này.

b) Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các cơ sở dữ liệu và quá trình kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu.

Chương VII **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Chủ trì quản lý nhà nước về thương mại điện tử và tổ chức triển khai Nghị định này.

2. Phân cấp cho Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số trong các trường hợp sau đây:

a) Tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính đăng ký cho nền tảng thương mại điện tử; cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại; thủ tục hành chính liên quan đến rút tiền ký quỹ và xử lý tiền ký quỹ;

b) Quản lý, vận hành Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử để hỗ trợ thực hiện Nghị định;

c) Hướng dẫn kỹ thuật, theo dõi, kiểm tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

3. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng năm bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Điều 52. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện các trách nhiệm sau đây:

a) Phối hợp với Bộ Công Thương trong quản lý hoạt động thương mại điện tử;

b) Thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan;

c) Căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Công Thương và điều kiện thực tế của từng bộ, ngành để tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng năm tại bộ, ngành.

2. Trên cơ sở văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công an có văn bản nêu rõ ý kiến chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị của nhà đầu tư, gửi lại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

2. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam xây dựng kế hoạch tuyên truyền trên các kênh về thương mại điện tử và Ngày Thương mại điện tử quốc gia.

Điều 53. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính thông báo nền tảng thương mại điện

tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến thông qua Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử.

2. Thực hiện quản lý nhà nước về thương mại điện tử trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Căn cứ kế hoạch, hướng dẫn của Bộ Công Thương và điều kiện thực tế của từng địa phương, tổ chức thực hiện các hoạt động phù hợp truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng năm tại địa phương.

Điều 54. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp

1. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội, hiệp hội trong lĩnh vực thương mại điện tử chỉ đạo các tổ chức thành viên trực thuộc tham gia và tổ chức các hoạt động truyền thông Ngày Thương mại điện tử quốc gia hàng năm.

2. Các cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và địa phương thực hiện đẩy mạnh việc tuyên truyền, quảng bá về Ngày Thương mại điện tử quốc gia; xây dựng các chương trình giới thiệu và tuyên dương các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp điển hình đã đi đầu trong việc áp dụng thương mại điện tử; tổ chức truyền thông đối ngoại, quảng bá Ngày Thương mại điện tử quốc gia ra nước ngoài.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

3. Sửa đổi cụm từ “cung cấp dịch vụ thương mại điện tử” thành “quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp” tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 56. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ khai báo thông tin của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến
Mẫu số 02	Tờ khai báo thông tin đăng ký của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến
Mẫu số 03	Tờ khai báo thông tin đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp
Mẫu số 04	Tờ khai báo thông tin đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài
Mẫu số 05	Tờ khai báo thông tin cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
Mẫu số 06	Mẫu rút tiền ký quỹ
Mẫu số 07	Mẫu đề án hoạt động của nền tảng thương mại điện tử
Mẫu số 08	Mẫu đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
Mẫu số 09	Mẫu Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại
Mẫu số 10	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp
Mẫu số 11	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử trung gian
Mẫu số 12	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử
Mẫu số 13	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử tích hợp
Mẫu số 14	Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số lớn
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật
Mẫu số 16	Báo cáo kết quả gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật

Mẫu số 01: Tờ khai thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

**TỜ KHAI THÔNG BÁO
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP
CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN**
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Phần 1: Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử:

- Tên chủ quản nền tảng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương tự khác
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

2. Thông tin người đại diện pháp luật và người chịu trách nhiệm vận hành nền tảng:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người chịu trách nhiệm vận hành nền tảng
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD / số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

☐ Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai báo phần 3)

☐ Sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo về hoạt động nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai

báo phần 3)

☐ Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền Internet của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử:

a. Đối với website

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền:

- Logo:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b. Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng.

3. Ngôn ngữ.

4. Chính sách bảo mật

5. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

6. Chính sách giá.

7. Chính sách về thanh toán

8. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên nền tảng (nếu có).

9. Chính sách giao hàng, đổi trả và hoàn tiền (áp dụng cho hàng hóa) hoặc phương thức cung cấp dịch vụ, chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền (áp dụng cho dịch vụ).

10. Hình thức hỗ trợ trực tuyến.

Phần 3. Lý do chấm dứt:

Mẫu số 02: Tờ khai đăng ký của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ KINH DOANH TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI CÓ CHỨC NĂNG ĐẶT HÀNG TRỰC TUYẾN**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Phần 1: Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến

1. Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử:

- Tên chủ quản nền tảng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương tự khác

- Địa chỉ trụ sở chính

2. Thông tin pháp nhân được chỉ định theo uỷ quyền tại Việt Nam:

2.1. Thông tin pháp nhân được chỉ định theo uỷ quyền:

- Tên tổ chức:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương tự khác

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Email tiếp nhận thông tin:

2.2. Đầu mối liên hệ:

- Họ và tên:
- Chức danh:
- Số CCCD/số hộ chiếu
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Email:

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

☐ Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai báo phần 3)

☐ Sửa đổi, bổ sung thông tin đã thông báo về hoạt động nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai

báo phần 3)

☐ Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến. (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền Internet của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử:

a. Đối với website

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền:

- Logo:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b. Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng.

3. Ngôn ngữ.

4. Chính sách bảo mật

5. Phương thức tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại

6. Chính sách giá.

7. Chính sách về thanh toán

8. Các điều kiện hoặc hạn chế trong việc cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên nền tảng (nếu có).

9. Chính sách giao hàng, đổi trả và hoàn tiền (áp dụng cho hàng hóa) hoặc phương thức cung cấp dịch vụ, chính sách chấm dứt dịch vụ và hoàn tiền (áp dụng cho dịch vụ).

10. Hình thức hỗ trợ trực tuyến.

Phần 3. Lý do chấm dứt

Mẫu số 03: Tờ khai đăng ký của nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRUNG GIAN,
MẠNG XÃ HỘI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ,
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Phần 1: Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử

- Tên chủ quản nền tảng:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức).
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thương mại điện tử	Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến (áp dụng đối với nền tảng số lớn)
1	Họ và tên			
2	Chức danh			
3	Số CCCD / số hộ chiếu			
4	Địa chỉ			
5	Số điện thoại			
6	Email			

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

☐ Đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp. (tiếp tục khai báo phần 3)

☐ Sửa đổi, bổ sung đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp. (tiếp tục khai báo phần 3)

☐ Chấm dứt đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp. (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Loại hình nền tảng:

☐ Nền tảng thương mại điện tử trung gian.

☐ Mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử.

☐ Nền tảng thương mại điện tử tích hợp.

2. Tên website/ứng dụng và chức năng tích hợp của nền tảng

a. Đối với website:

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền.

- Logo:

- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b. Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

c. Chức năng của nền tảng:

☐ Nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến;

☐ Nền tảng có livestream bán hàng;

☐ Nền tảng có tích hợp hệ thống thông tin tự động giao kết hợp đồng;

☐ Nền tảng có chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng hoặc các công cụ hỗ trợ giao kết hợp đồng khác.

4. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng.

Phần 3. Lý do chấm dứt:

Mẫu số 04: Tờ khai đăng ký nền tảng thương mại điện tử trung gian nước ngoài, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử nước ngoài, nền tảng thương mại điện tử tích hợp nước ngoài

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TRUNG GIAN NƯỚC NGOÀI,
MẠNG XÃ HỘI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI,
NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TÍCH HỢP NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Phần 1: Thông tin chủ quản nền tảng thương mại điện tử

- Tên chủ quản nền tảng:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức).
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thương mại điện tử	Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Hệ thống tiếp nhận và giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại trực tuyến (áp dụng đối với nền tảng số lớn)
1	Họ và tên			
2	Chức danh			
3	Số CCCD / số hộ chiếu			
4	Địa chỉ			
5	Số điện thoại			
6	Email			

Phần 2: Thông tin đại diện hoặc pháp nhân được chỉ định theo ủy

quyền tại Việt Nam

1. Thông tin đại diện được chỉ định theo uỷ quyền tại Việt Nam:

- Họ và tên:
- Số CCCD/số hộ chiếu
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Email:

2. Thông tin pháp nhân được chỉ định theo uỷ quyền tại Việt Nam:

2.1. Thông tin pháp nhân được chỉ định theo uỷ quyền:

- Tên pháp nhân:
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương tự khác

- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:

2.2. Thông tin đầu mối liên hệ:

- Họ và tên:
- Chức danh:
- Số CCCD/số hộ chiếu
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Email:

Phần 3. Thủ tục hành chính cần thực hiện

- ☐ Đăng ký (tiếp tục khai báo phần 4)
- ☐ Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký (*tiếp tục khai báo phần 4*)
- ☐ Chấm dứt đăng ký (*tiếp tục khai báo phần 5*)

Phần 4. Thông tin nền tảng

1. Loại hình nền tảng:

- ☐ Nền tảng thương mại điện tử trung gian.
- ☐ Mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử.
- ☐ Nền tảng thương mại điện tử tích hợp.

2. Tên miền Internet của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử và chức năng tích hợp của nền tảng

a. Đối với website :

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền.
- Logo:
- Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

b. Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

c. Chức năng của nền tảng:

- ☐ Nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến;
- ☐ Nền tảng có livestream bán hàng;
- ☐ Nền tảng có tích hợp hệ thống thông tin tự động giao kết hợp đồng;
- ☐ Nền tảng có chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng hoặc các công cụ hỗ trợ giao kết hợp đồng khác.

5. Loại hàng hóa hoặc dịch vụ được giao dịch trên nền tảng.

6. Hình thức hỗ trợ trực tuyến.

Phần 5. Lý do chấm dứt:

Mẫu số 05: Tờ khai báo thông tin cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

**TỜ KHAI BÁO THÔNG TIN CẤP PHÉP
HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG
ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI**

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

Phần 1. Thông tin tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- Tên tổ chức:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:
- Số điện thoại:

STT	Nội dung	Người đại diện pháp luật	Người liên hệ
1	Họ và tên		
2	Chức danh		
3	Số CCCD / số hộ chiếu		
4	Địa chỉ		
5	Số điện thoại		
6	Email		

Phần 2. Thủ tục hành chính cần thực hiện

- ☐ Cấp giấy phép Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Cấp lại giấy phép Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại. (tiếp tục khai báo phần 3)
- ☐ Thu hồi giấy phép Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (tiếp tục khai báo phần 4)

Phần 3. Thông tin nền tảng

1. Tên miền Internet của website hoặc tên ứng dụng thương mại điện tử:

a. Đối với website :

- Địa chỉ website:

- Chủ sở hữu tên miền.

b. Đối với ứng dụng:

STT	Tên ứng dụng	Hệ điều hành	Địa chỉ lưu trữ hoặc tải ứng dụng	Logo
1		IOS		
2		Android		
3		Khác		

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ Hosting.

3. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ:

4. Ngôn ngữ.

5. Số nhân viên quản lý, giám sát các hoạt động

Phần 4. Lý do chấm dứt:

Mẫu số 06: Mẫu rút tiền ký quỹ**MẪU RÚT TIỀN KÝ QUỸ***(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)***TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công Thương

1. Thông tin tổ chức:

- Tên tổ chức:
- Số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân) hoặc Quyết định thành lập (đối với tổ chức).
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Email tiếp nhận thông tin:
- Số điện thoại:
- Tên website/ ứng dụng Thương mại điện tử:

2. Người đại diện pháp luật:

- Họ và tên:..... Số CCCD / số hộ chiếu:.....
- Chức danh:.....
- Địa chỉ:.....Số điện thoại:.....

Đề nghị giải tỏa số tiền ký quỹ tại ngân hàng... ..theo xác nhận ký quỹ số..... ngày.....

1. Lý do:

2. Văn bản, tài liệu kèm theo:.....

Người liên hệ:..... Điện thoại:.....

Doanh nghiệp cam kết đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản ... Điều... Nghị định số.....

Doanh nghiệp cam đoan tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động thương mại điện tử và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của các văn bản, tài liệu kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- Lưu:

CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07: Mẫu đề án hoạt động của nền tảng thương mại điện tử**Tên tổ chức****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm 20..

**MẪU ĐỀ ÁN HOẠT ĐỘNG
CỦA NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ***(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)***I. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ TỔ CHỨC****1. Giới thiệu chung**

- Giới thiệu chung doanh nghiệp, quá trình hình thành và phát triển...bao gồm các thông tin cơ bản về doanh nghiệp, các dịch vụ cung cấp, các thông tin cơ như: ngày thành lập, số, ngày cấp, nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư, nguồn vốn đầu tư...

- Trong trường hợp kinh doanh nền tảng thương mại điện tử nước ngoài tại Việt Nam: Giới thiệu chung về Đơn vị được uỷ quyền.

2. Vốn đầu tư cho nền tảng thương mại điện tử**2.1. Nguồn vốn**

- ☐ Vốn doanh nghiệp
- ☐ Vốn ngân sách nhà nước
- ☐ Vốn đầu tư nước ngoài
- ☐ Nguồn vốn khác

- Tổng mức đầu tư cho dự án thương mại điện tử:

Doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài:

- ☐ Pháp nhân nước ngoài góp vốn hoặc cho vay
- ☐ Hợp tác với pháp nhân nước ngoài về kỹ thuật, hệ thống hoặc kinh doanh
- ☐ Nhân sự quản lý nước ngoài

- Mô tả về yếu tố nước ngoài:

2.2. Thông tin về Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

- Giấy phép đầu tư số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

- Giấy kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử số:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

3. Cơ cấu tổ chức.

4. Số lượng nhân viên của Công ty/Số lượng nhân viên của Đơn vị được uỷ quyền

thực hiện vận hành nền tảng thương mại điện tử, đảm bảo tuân thủ có bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động thương mại điện tử và nhân sự chịu trách nhiệm quản lý hoạt động thương mại điện tử là người có quốc tịch Việt Nam.

5. Lĩnh vực hoạt động chủ yếu.

6. Liệt kê các hoạt động cung cấp dịch vụ khác (nếu có) mà tổ chức tiến hành ngoài môi trường trực tuyến.

II. MÔ HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Giới thiệu chung về nền tảng thương mại điện tử

1.1. Loại hình hoạt động thương mại điện tử

- Tên Website/ứng dụng hoạt động thương mại điện tử: Tên miền truy cập/đường link tải ứng dụng:

- Thời gian dự kiến hoạt động: tháng.....năm.....

a) Loại hình hoạt động

- ☐ Nền tảng thương mại điện tử trung gian
- ☐ Mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử
- ☐ Nền tảng thương mại điện tử tích hợp
- ☐ Dịch vụ khác

b) Chức năng bán hàng trên nền tảng:

- ☐ Chức năng đặt hàng trực tuyến
- ☐ Chức năng livestream bán hàng
- ☐ Chức năng liên hệ trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng hoặc các công cụ hỗ trợ giao kết hợp đồng khác
- ☐ Chức năng tiếp thị liên kết

1.2. Phạm vi, địa bàn hoạt động của nền tảng

1.3. Các loại hàng hóa, dịch vụ được cung cấp trên nền tảng

2. Mô tả cấu trúc, chức năng, quy trình và cơ chế vận hành của nền tảng

2.1 Mô tả chung về loại hình nền tảng thương mại điện tử đang triển khai

a) Thực hiện loại hình hoạt động theo quy định tại Điều Nghị định

.....

b) Mô tả các chủ thể tham gia nền tảng bao gồm: bên chủ quản nền tảng, bên bán, bên mua, bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử trên nền tảng. Cung cấp thông tin đường dẫn truy cập website hoặc tải ứng dụng:

- Địa chỉ truy cập/tải ứng dụng dành cho người quản trị hệ thống:

..... Tài khoản thử nghiệm

- Địa chỉ truy cập/tải ứng dụng dành cho người bán/nhà cung cấp:

..... Tài khoản thử nghiệm

- Địa chỉ truy cập/tải ứng dụng dành cho người mua/người sử dụng dịch

vụ: Tài khoản thử nghiệm

- Địa chỉ truy cập/tải ứng dụng dành cho bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử trên nền tảng: Tài khoản thử nghiệm

2.2. Cấu trúc, chức năng của nền tảng

Mô tả cấu trúc, tính năng của nền tảng thương mại điện tử (bao gồm bản chụp trang chủ và các trang chuyên mục chính).

2.3. Quy trình dành cho người mua/người sử dụng dịch vụ, người bán (đối tác, nhà cung cấp...)

- a) Mô tả các quy trình dành cho người mua/người sử dụng.
- b) Mô tả các quy trình dành cho người bán.
- c) Mô tả các quy trình dành cho người livestream bán hàng (Đối với nền tảng thương mại điện tử có chức năng livestream bán hàng).
- d) Mô tả các quy trình dành cho người tiếp thị liên kết (Đối với nền tảng thương mại điện tử có chức năng tiếp thị liên kết).
- đ) Mô tả các quy trình tích hợp các nền tảng khác trên nền tảng chính (Đối với nền tảng tích hợp đa dịch vụ).
- e) Mô tả các quy trình thực hiện chức năng đặt hàng trực tuyến/thanh toán trực tuyến trên nền tảng.
- g) Mô tả các quy trình khác nếu có.

2.4. Quy trình vận hành và kiểm soát thông tin của chủ quản nền tảng thương mại điện tử

a) Mô tả các quy trình kiểm soát thông tin sản phẩm và thông tin hiện thị: quy trình kiểm duyệt thông tin tự động; quy trình tiếp nhận và xác minh thông tin đối với hàng hoá thuộc danh mục kinh doanh có điều kiện; Hiện thị nội dung cảnh báo khi livestream bán hàng đối với hàng hóa, dịch vụ có nguy cơ gây mất an toàn, ảnh hưởng xấu đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của người mua.

b) Mô tả các quy trình quản lý đơn hàng, thanh toán, logistics: cách thức xác nhận đơn hàng, cách thức kết nối, hiện thị và phân chia đơn hàng cho đơn vị thanh toán và logistics.

c) Mô tả các quy trình về kiểm soát và xử lý vi phạm: cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm theo điều kiện giao dịch công bố trên nền tảng; ngăn chặn, dừng phát trực tuyến, gỡ bỏ thông tin hiện thị, đường dẫn liên kết khi phát hiện hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về nội dung livestream bán hàng.

d) Mô tả các quy trình xử lý phản ánh, khiếu nại trực tuyến.

đ) Mô tả về quy trình kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử.

e) Mô tả các quy trình khác nếu có.

2.5. Quy trình vận hành và kiểm soát thông tin của của pháp nhân được ủy quyền tại Việt Nam

a) Mô tả các quy trình về kiểm soát và xử lý vi phạm: cảnh báo, gỡ bỏ tự động thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật; biện pháp ngăn chặn các hành vi tái phạm theo điều kiện giao dịch công bố trên nền tảng.

b) Mô tả các quy trình xử lý phản ánh, khiếu nại trực tuyến.

3. Biện pháp kỹ thuật - nghiệp vụ

a) Thông tin về hệ thống máy chủ, địa điểm lưu trữ, cấu hình, số lượng máy chủ...

b) Mô tả các quy trình quản lý người bán, người dùng, người livestream, người tiếp thị liên kết báo đảm:

- Thu thập các tài liệu, thông tin, dữ liệu để xác minh thông tin nhận biết người bán quy định tại khoản Điều ... của Nghị định

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các tài liệu, thông tin, dữ liệu xác minh thông tin nhận biết người bán và phải thực hiện đối chiếu khớp đúng thông tin sinh trắc học của chủ tài khoản (đối với cá nhân), người đại diện hợp pháp (đối với tổ chức) với:

(i) Dữ liệu sinh trắc học được lưu trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử của người đó do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập; hoặc

(ii) Dữ liệu sinh trắc học đã được thu thập và kiểm tra (đảm bảo sự khớp đúng giữa dữ liệu sinh trắc học của người đó với dữ liệu sinh trắc học trong bộ phận lưu trữ thông tin được mã hóa của thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước đã được xác thực chính xác là do cơ quan Công an cấp hoặc với dữ liệu sinh trắc học của người đó thông qua xác thực tài khoản định danh điện tử do Hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập);

- Hiện thị cảnh báo cho người bán về các hành vi không được thực hiện khi mở và sử dụng tài khoản và có giải pháp kỹ thuật xác nhận đảm bảo việc người bán đã đọc đầy đủ các nội dung cảnh báo;

- Cung cấp cho người bán nội dung thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản và xác nhận sự chấp thuận của người bán đối với thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản;

c) Mô tả hệ thống thông tin phục vụ hoạt động thương mại điện tử cấp độ 03 theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo từng cấp độ.

d) Mô tả hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng lưu trữ trực tuyến đối với thông tin hàng hóa, dịch vụ đã đăng tải trên nền tảng trong thời gian ít nhất 01 năm từ thời điểm đăng tải.

đ) Mô tả giải pháp bảo đảm hạ tầng kỹ thuật đáp ứng khả năng lưu trữ trực

tuyến 03 năm đối với hợp đồng đã giao kết từ thời điểm giao kết hợp đồng tự động và lưu trữ tối thiểu 01 năm đối với dữ liệu về hình ảnh, âm thanh của hoạt động livestream bán hàng từ thời điểm bắt đầu truyền phát.

e) Phương án dự phòng bảo đảm an toàn và hoạt động liên tục của nền tảng thương mại điện tử trong trường hợp xảy ra sự cố.

4. Nguồn thu và cơ chế thu phí thành viên

4.1. Nguồn thu của nền tảng thương mại điện tử

- ☐ Dịch vụ tư vấn
- ☐ Phí thành viên
- ☐ Tin nhắn
- ☐ Thu phí % dựa trên đơn hàng
- ☐ Quảng cáo
- ☐ Dịch vụ gia tăng khác

4.2. Cơ chế tính giá dịch vụ

- Mô tả cơ chế tính giá dịch vụ mở, duy trì tài khoản; xử lý đơn hàng và các loại dịch vụ khác, chính sách phải bao gồm thông tin chi tiết về cách thức tính giá dịch vụ và thời điểm áp dụng

III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG

1. Quy định về điều kiện hoạt động áp dụng trên nền tảng thương mại điện tử

a) Mô tả quy định về chính sách về giá, bao gồm giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp trên nền tảng, các loại chi phí sử dụng dịch vụ trên nền tảng; các điều kiện hoặc hạn chế trong việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ, trong đó bao gồm giới hạn về thời gian, phạm vi địa lý; chính sách về thanh toán; chính sách về ưu tiên hiển thị.

b) Mô tả quy định về chính sách bảo mật.

c) Mô tả quy định về cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, khiếu nại.

d) Mô tả quy định về kiểm soát, rà soát thông tin trên nền tảng thương mại điện tử, bao gồm: Kiểm soát thông tin người bán, Sản phẩm/dịch vụ, các hành vi/sản phẩm bị cấm và chế tài nếu phát hiện thành viên (người mua, người bán, người livestream, người tiếp thị liên kết) có các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật.

đ) Mô tả phương án tiếp nhận lại, xử lý hàng hóa do người bán cung cấp trong trường hợp hàng hoá, dịch vụ đăng tải trên nền tảng không theo đúng nội dung đã thông báo, công bố, niêm yết, quảng cáo, giới thiệu, giao kết, cam kết trên nền tảng.

e) Mô tả các tiêu chí chính được sử dụng khi nền tảng thương mại điện tử có sử dụng thuật toán hoặc biện pháp để hạn chế hoặc ưu tiên việc hiển thị hàng hóa, dịch vụ.

2. Phân định quyền và trách nhiệm giữa chủ quản nền tảng với các bên sử dụng dịch vụ trên nền tảng thương mại điện tử.

2.1. Quy định quyền và trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử đảm bảo trách nhiệm quy định tại Điều ... của Nghị định ...

2.2. Quy định quyền và trách nhiệm của pháp nhân được ủy quyền tại Việt Nam (kinh doanh nền tảng thương mại điện tử nước ngoài tại Việt Nam) đảm bảo trách nhiệm quy định tại Điều ... của Nghị định ...

2.3. Quy định quyền và trách nhiệm của người bán trên nền tảng thương mại điện tử đảm bảo trách nhiệm quy định tại Điều ... của Nghị định ...

2.4. Quy định quyền và trách nhiệm của người livestream bán hàng trên nền tảng thương mại điện tử (nền tảng có chức năng livestream bán hàng) đảm bảo trách nhiệm quy định tại Điều ... của Nghị định ...

2.5. Quy định quyền và trách nhiệm của người tiếp thị liên kết thương mại điện tử. (nền tảng có chức năng tiếp thị liên kết) đảm bảo trách nhiệm quy định tại Điều ... của Nghị định ...

2.6. Quy định quyền và trách nhiệm của người mua trên nền tảng thương mại điện tử.

2.7. Quy định quyền và trách nhiệm của nền tảng được tích hợp.

2.8. Quy định quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ thương mại điện tử (nhà cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, nhà cung cấp dịch vụ logistics, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán...) đảm bảo trách nhiệm quy định tại Điều ... của Nghị định ...

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨC DANH

Ký và đóng dấu

Mẫu số 08: Mẫu đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

MẪU ĐỀ ÁN CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

I. GIỚI THIỆU TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

1. Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử:

- 1.1. Tên đăng ký, tên giao dịch, tên và chức danh người đại diện tổ chức, Tên và chức danh người chịu trách nhiệm quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử
- 1.2. Cơ cấu tổ chức
- 1.3. Ngành nghề kinh doanh
- 1.4. Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy hoặc tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện theo quy định

2. Kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

- 2.1. Tóm tắt quá trình và kết quả kinh doanh từ khi thành lập công ty đến nay
- 2.2. Tóm tắt về năng lực tài chính
- 2.3. Các sản phẩm/dịch vụ đang cung cấp

3. Tổ chức nhân sự thực hiện cung cấp dịch vụ

- 3.1. Bộ phận Quản trị vận hành kỹ thuật
- 3.2. Bộ phận quản lý hệ thống phần cứng, phần mềm
- 3.3. Bộ phận trực tiếp vận hành dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử
- 3.4. Bộ phận chăm sóc khách hàng

II. MÔ TẢ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

I. Thông tin về hệ thống công nghệ phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

- 1.1. Phạm vi cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử
- 1.2. Hệ thống công nghệ thông tin (Địa điểm đặt máy chủ, Sơ đồ hệ thống, hệ thống máy chủ, đường truyền, ...);
- 1.3. Hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử (Giải pháp công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu, định danh người dùng...);
- 1.4. Hệ thống lưu trữ và dự phòng dữ liệu.
- 1.5. Hệ thống thanh toán.

1.6. *Kế hoạch mở rộng hệ thống (nếu có).*

2. Thuyết minh về quy trình vận hành, biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

2.1. *Mô tả giải pháp kỹ thuật về ký số, dấu thời gian, xác thực danh tính điện tử, bảo đảm tổ chức, cá nhân tham gia giao kết hợp đồng thể hiện sự đồng ý đối với nội dung hợp đồng.*

2.2. *Mô tả phương án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu; biện pháp cảnh báo, phát hiện và ngăn chặn truy nhập trái phép; phương án phân quyền truy cập, kiểm soát rủi ro và bảo vệ dữ liệu*

2.3. *Mô tả phương án sao lưu, dự phòng, khôi phục dữ liệu, bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục khi xảy ra sự cố.*

2.4. *Mô tả phương án định danh và chứng thực điện tử của các bên liên quan đến hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định của pháp luật.*

2.5. *Mô tả phương án lưu trữ, quy trình tra cứu, cung cấp bản sao hoặc chứng cứ hợp đồng điện tử đã được chứng thực trên hệ thống;*

2.6. *Mô tả phương án bảo mật hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, bảo mật an toàn thông tin khách hàng;*

2.7. *Mô tả phương án kỹ thuật bảo đảm duy trì và khắc phục hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử khi có sự cố xảy ra*

3. Thuyết minh phương án kỹ thuật khác

3.1. *Phương án đảm bảo quyền lợi của khách hàng trong trường hợp ngừng cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử*

3.2. *Phương án hỗ trợ khách hàng gặp sự cố trong quá trình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử và quy trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại giữa các bên liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử*

3.3. *Phương án tiếp nhận, xử lý yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của tổ chức, cá nhân; quy trình xử lý sự cố kỹ thuật, vi phạm an toàn thông tin và cơ chế phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền*

3.4. *Phương án sẵn sàng đồng bộ, kết nối, truyền nhận và chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực với Hệ thống quản lý hoạt động thương mại điện tử; phương án cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

III. QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP

ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

1. Giới thiệu chung

2. Quy định, định nghĩa và khái niệm chung

3. Chức năng, tính năng chính của hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ

4. Quy trình xác thực, chứng thực, cấp dấu thời gian, lưu trữ, tra cứu và cung cấp thông tin hợp đồng điện tử hợp đồng điện tử

5. Quy định và chính sách về an toàn thông tin, quản lý thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

6. Cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp giữa các bên liên quan

7. Biện pháp rà soát và chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm

8. Biện pháp cung cấp thông tin về người sử dụng dịch vụ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

9. Quyền và Trách nhiệm các bên

8.1. Quyền và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

8.2. Quyền và trách nhiệm của đơn vị tham gia sử dụng dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

8.3. Giới hạn trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

9. Điều khoản áp dụng

10. Liên hệ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan chủ quản (nếu có);
- Lưu:

**CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09: Mẫu quyết định cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GP-BCT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ TRONG THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Thương mại điện tử ngày 10 tháng 12 năm 2025

Căn cứ Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp lại/gia hạn/thay đổi nội dung Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại ngày... tháng... năm... của ... (1);

Theo đề nghị của ... (2).

NAY CHO PHÉP

Điều 1. (TÊN DOANH NGHIỆP), có trụ sở tại ..., có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ..., được kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên giao dịch: ... (1)

2. Loại dịch vụ được cấp phép kinh doanh:

Cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

Thời hạn cung cấp dịch vụ đến hết ngày... tháng ... năm ...

3. Phạm vi cung cấp dịch vụ

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (1) được thực hiện các hoạt động theo quy định của Điều Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về

Điều 2. ... (1) phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Thương mại điện tử, Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định về ... các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. *Giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại*

này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày... tháng... năm...; (3) thay thế Giấy phép số .../GP-BCT do Bộ trưởng Bộ Công Thương cấp ngày ... tháng ... năm ...

BỘ TRƯỞNG

Chú thích:

- (1) Tên doanh nghiệp được cấp giấy phép.
- (2) Thủ trưởng đơn vị trình cấp giấy phép.
- (3) Giấy phép đã được cấp

Mẫu số 10: Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng.... Năm...

BÁO CÁO

V/v Kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp

Kính gửi: Bộ Công Thương

1. Thông tin chung của nền tảng thương mại điện tử

1. Tên tổ chức/ cá nhân
2. Mã số thuế của tổ chức/ cá nhân
3. Địa chỉ trụ sở đối với tổ chức/ địa chỉ cư trú đối với cá nhân
4. Tên và số căn cước của người đại diện theo pháp luật đối với tổ chức
5. Địa chỉ tên miền/ tên ứng dụng

2. Kết quả hoạt động thương mại điện tử

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng (giảm) so với năm trước đó
1	Quy mô người sử dụng			
1.1	Tổng số lượng tài khoản người mua	Số lượng tài khoản		
1.2	Số lượng tài khoản người mua đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.3	Số lượng tài khoản người mua chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
2	Quy mô giao dịch (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)			
2.1	Số lượng đơn hàng thành công	Số lượng		

		đơn hàng		
2.2	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công theo địa giới hành chính (tính theo địa chỉ nhận hàng của người mua)			
2.2.1	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại Tp. Hà Nội trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.2.2	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại Tp. Hồ Chí Minh trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.2.3	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại Tp. Đà Nẵng trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.2.4	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại các tỉnh, thành phố khác trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công theo phương thức thanh toán			
2.3.1	Tỷ lệ số lượng đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán chuyển khoản trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.2	Tỷ lệ số lượng đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán ví điện tử trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.3	Tỷ lệ số lượng đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán thẻ tín dụng trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.4	Tỷ lệ số lượng đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán COD trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.5	Tỷ lệ số lượng đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán khác trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.4	Tổng giá trị đơn hàng thành công			
2.4.1	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công theo địa giới hành chính (tính theo địa chỉ nhận hàng của người mua)			
2.4.2	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại Tp. Hà Nội trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.4.3	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại Tp. Hồ Chí Minh trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.4.4	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại Tp. Đà Nẵng trong tổng số đơn hàng thành công	%		

	công			
2.4.5	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại các tỉnh, thành phố khác trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.5	Số lượng đơn hàng bị hủy	Số lượng đơn hàng		
2.6	Tổng giá trị giao dịch của số lượng đơn hàng bị hủy	Triệu đồng		
3	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
3.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
3.2	Thời gian trung bình giải quyết 1 Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Ngày		

3. Khó khăn, vướng mắc, giải pháp khắc phục, đề xuất kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc
- Nguyên nhân
- Giải pháp khắc phục
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 11: Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử trung gian

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng năm...

BÁO CÁO

V/v Kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử trung gian

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. Thông tin chung của nền tảng thương mại điện tử

1. Tên tổ chức
2. Mã số thuế
3. Địa chỉ trụ sở
4. Tên và số căn cước của người đại diện theo pháp luật:
5. Địa chỉ tên miền/ tên ứng dụng

II. Kết quả hoạt động thương mại điện tử

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng/ giảm so với năm trước đó
1	Quy mô người sử dụng			
1.1	Tổng số tài khoản người bán	Số lượng tài khoản		
1.2	Số lượng tài khoản người bán đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.3	Số lượng tài khoản người bán chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
1.4	Tổng số lượng tài khoản người mua	Số lượng tài khoản		
1.5	Số lượng tài khoản người mua đăng ký mới	Số lượng tài khoản		

1.6	Số lượng tài khoản người mua chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
2	Quy mô giao dịch (đối với nền tảng có chức năng đặt hàng trực tuyến)			
2.1	Số lượng đơn hàng thành công	Số lượng đơn hàng		
2.2	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công theo địa giới hành chính (tính theo địa chỉ nhận hàng của người mua)			
2.2.1	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại Tp. Hà Nội trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.2.2	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại Tp. Hồ Chí Minh trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.2.3	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại Tp. Đà Nẵng trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.2.4	Tỷ lệ số lượng đơn hàng thành công tại các tỉnh, thành phố khác trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3	Tỷ lệ đơn hàng thành công theo phương thức thanh toán			
2.3.1	Tỷ lệ đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán chuyển khoản trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.2	Tỷ lệ đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán ví điện tử trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.3	Tỷ lệ đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán thẻ tín dụng trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.4	Tỷ lệ đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán COD trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.3.5	Tỷ lệ đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán khác trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.4	Tổng giá trị đơn hàng thành công			
2.4.1	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công theo địa giới hành chính (tính theo địa chỉ nhận hàng của người mua)			
2.4.2	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại Tp. Hà Nội trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.4.3	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại Tp. Hồ Chí Minh trong tổng số đơn hàng thành công	%		

2.4.4	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại Tp. Đà Nẵng trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.4.5	Tỷ lệ giá trị đơn hàng thành công tại các tỉnh, thành phố khác trong tổng số đơn hàng thành công	%		
2.5	Số lượng đơn hàng bị hủy	Số lượng đơn hàng		
2.6	Tổng giá trị giao dịch của số lượng đơn hàng bị hủy	Triệu đồng		
3	Cơ cấu doanh thu của nền tảng			
3.1	Tổng doanh thu	Triệu đồng		
3.2	Tỷ lệ Doanh thu từ thu phí thành viên trên tổng doanh thu	%		
3.3	Tỷ lệ Doanh thu từ quảng cáo trên tổng doanh thu	%		
3.4	Tỷ lệ Doanh thu từ dịch vụ khác trên tổng doanh thu	%		
4	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
4.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
4.2	Thời gian trung bình giải quyết 1 Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Ngày		

III. Khó khăn, vướng mắc, giải pháp khắc phục, đề xuất kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc
- Nguyên nhân
- Giải pháp khắc phục
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 12: Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng.... Năm...

BÁO CÁO

V/v Kết quả hoạt động thương mại điện tử của mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. Thông tin chung của nền tảng thương mại điện tử

1. Tên tổ chức
2. Mã số thuế
3. Địa chỉ trụ sở
4. Tên và số căn cước của người đại diện theo pháp luật:
5. Địa chỉ tên miền/ tên ứng dụng

II. Kết quả hoạt động thương mại điện tử

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng/ giảm so với năm trước đó
1	Quy mô người sử dụng			
1.1	Tổng số tài khoản người bán	Số lượng tài khoản		
1.2	Số lượng tài khoản người bán đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.3	Số lượng tài khoản người bán chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
1.4	Tổng số lượng tài khoản người mua	Số lượng tài khoản		
1.5	Số lượng tài khoản người mua đăng ký mới	Số lượng tài khoản		

1.6	Số lượng tài khoản người mua chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
1.7	Tỷ lệ tài khoản người bán trên tổng số tài khoản	%		
2	Quy mô giao dịch (đối với mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến)			
2.1	Số lượng đơn hàng thành công	Số lượng đơn hàng		
2.2	Tổng giá trị giao dịch của số đơn hàng thành công	Triệu đồng		
2.3	Số lượng đơn hàng bị hủy	Số lượng đơn hàng		
2.4	Tổng giá trị giao dịch của số lượng đơn hàng bị hủy	Triệu đồng		
2.5	Tỷ lệ đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán COD trên tổng số đơn hàng thành công	%		
2.6	Tỷ lệ giá trị giao dịch của đơn hàng sử dụng phương thức thanh toán COD trên tổng giá trị giao dịch của số đơn hàng thành công	%		
3	Quy mô giao dịch (đối với mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử mà chức năng liên lạc trực tuyến có tích hợp công cụ thông báo xác nhận giao kết hợp đồng)			
3.1	Số lượng đơn hàng được thực hiện qua chức năng liên lạc trực tuyến	Số lượng đơn hàng		
3.2	Tổng giá trị giao dịch của số đơn hàng	Triệu đồng		
4	Cơ cấu doanh thu của mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử			
4.1	Tổng doanh thu từ hoạt động thương mại điện tử	Triệu đồng		
4.2	Tỷ lệ doanh thu từ thu phí thành viên trên tổng doanh thu	%		
4.3	Tỷ lệ Doanh thu từ quảng cáo trên tổng doanh thu	%		
4.4	Tỷ lệ Doanh thu từ dịch vụ khác trên tổng doanh thu	%		
5	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
5.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
5.2	Thời gian trung bình giải quyết 1 Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Ngày		

III. Khó khăn, vướng mắc, giải pháp khắc phục, đề xuất kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc
- Nguyên nhân
- Giải pháp khắc phục
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 13: Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử tích hợp

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng Năm...

BÁO CÁO

V/v Kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử tích hợp

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. Thông tin chung của nền tảng thương mại điện tử tích hợp

1. Tên tổ chức
2. Mã số thuế
3. Địa chỉ trụ sở
4. Tên và số căn cước của người đại diện theo pháp luật:
5. Địa chỉ tên miền/ tên ứng dụng

II. Kết quả hoạt động thương mại điện tử

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng/ giảm so với năm trước đó
1	Quy mô người sử dụng			
1.1	Tổng số tài khoản người dùng	Số lượng tài khoản		
1.2	Số lượng tài khoản người dùng đăng ký mới	Số lượng tài khoản		
1.3	Số lượng tài khoản người dùng có truy cập nền tảng được tích hợp	Số lượng tài khoản		
1.4	Số lượng tài khoản người dùng chấm dứt hoạt động	Số lượng tài khoản		
1.5	Số lượng nền tảng thương mại điện tử được tích hợp (tại ngày cuối cùng của	Số lượng nền tảng		

	kỳ báo cáo)			
2	Quy mô giao dịch			
2.1	Số lượng đơn hàng thành công được thực hiện trên nền tảng thương mại được tích hợp	Số lượng đơn hàng		
2.2	Tổng giá trị giao dịch của số đơn hàng thành công được thực hiện được thực hiện trên nền tảng thương mại được tích hợp	Triệu đồng		
3	Cơ cấu doanh thu của nền tảng thương mại điện tử tích hợp			
3.1	Tổng doanh thu từ hoạt động thương mại điện tử	Triệu đồng		
3.2	Tỷ lệ doanh thu từ thu phí nền tảng được tích hợp trên tổng doanh thu	%		
3.3	Tỷ lệ doanh thu từ quảng cáo trên tổng doanh thu	%		
3.4	Tỷ lệ doanh thu từ dịch vụ khác trên tổng doanh thu	%		
4	Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại			
4.1	Tổng số phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Số lượng		
4.2	Thời gian trung bình giải quyết 01 Phản ánh, yêu cầu, khiếu nại	Ngày		

III. Khó khăn, vướng mắc, giải pháp khắc phục, đề xuất kiến nghị

- Khó khăn, vướng mắc
- Nguyên nhân
- Giải pháp khắc phục
- Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 14: Báo cáo kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số lớn

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng.... Năm...

BÁO CÁO

V/v Kết quả hoạt động thương mại điện tử của nền tảng thương mại điện tử là nền tảng số lớn

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI ĐIỀN BÁO CÁO

Họ và tên:..... Chức vụ: Điện thoại:

Tên tổ chức/đơn vị:

Mã số thuế :.....

Tỉnh/Thành phố nơi đặt trụ sở hoặc địa chỉ thường trú của cá nhân:

.....

II. THÔNG TIN CHUNG CỦA NỀN TẢNG TMĐT

Địa chỉ tên miền chính của website:

Tên ứng dụng:

Dữ liệu báo cáo: Tháng.....Năm

III. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA NỀN TẢNG

1. Thông tin hoạt động TMĐT của người bán/người mua trên nền tảng: *Dữ liệu đến thời điểm báo cáo*

Thông tin	Tài khoản TRONG NƯỚC	Tài khoản NƯỚC NGOÀI
Số lượng tài khoản người mua		
Số lượng tài khoản người bán		
Số tin rao, sản phẩm, dịch vụ đăng bán		
Số lượng đơn đặt hàng		

thành công		
Người bán từ QUỐC GIA nào nhiều nhất:		

2. Thông tin hoạt động TMĐT theo tỉnh/thành phố:

STT	Tỉnh/thành phố	Người bán			Người mua
		Tổng đơn hàng đã bán	Tổng doanh thu	Tổng sản phẩm đăng bán	Tổng chi
1	Tuyên Quang				
2	Lào Cai				
3	Thái Nguyên				
4	Phú Thọ				
5	Bắc Ninh				
6	Hưng Yên				
7	TP. Hải Phòng				
8	Ninh Bình				
9	Quảng Trị				
10	TP. Đà Nẵng				
11	Quảng Ngãi				
12	Gia Lai				
13	Khánh Hòa				
14	Điện Biên				
15	TP. Hà Nội				
16	Hà Tĩnh				
17	Lạng Sơn				
18	Lai Châu				
19	Nghệ An				
20	Quảng Ninh				
21	Sơn La				
22	Thanh Hóa				
23	Cao Bằng				
24	TP. Huế				
25	Lâm Đồng				
26	Đắk Lắk				
27	TP. Hồ Chí Minh				
28	Đồng Nai				
29	Tây Ninh				
30	TP. Cần Thơ				
31	Vĩnh Long				
32	Đồng Tháp				
33	Cà Mau				
34	An Giang				

Tổng cả nước			
--------------	--	--	--

3. Loại hình hàng hóa, dịch vụ phổ biến được bán trên nền tảng

- | | |
|--|---|
| ☐ Đồ điện tử;
☐ Thực phẩm, thực phẩm chức năng, làm đẹp, sức khỏe;
☐ Thời trang – phụ kiện, đồ chơi – mẹ và bé;

☐ Ô tô – xe máy – xe đạp & phụ kiện, thể thao – dã ngoại – du lịch;

☐ Nhà cửa – đời sống;
☐ Sách – VPP – quà tặng; phiếu mua hàng, sử dụng dịch vụ; thẻ khách hàng thường xuyên;
☐ Dịch vụ gọi xe; giao, đặt đồ ăn; vận tải, giao hàng, logistics;
☐ Dịch vụ vé máy bay, đặt chỗ; lưu trú và du lịch; ăn uống, ẩm thực;
☐ Dược phẩm

☐ Đồ điện tử; | ☐ Rượu (các loại);
☐ Dịch vụ đào tạo, đào tạo trực tuyến;
☐ Dịch vụ tư vấn hồ sơ, pháp lý, du học, thiết kế xây dựng, kiến trúc;
☐ Dịch vụ nội dung số & giá trị gia tăng; tên miền, hosting, phần mềm, thiết kế website; quảng cáo, quảng cáo trực tuyến, tổ chức sự kiện;
☐ Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp;
☐ Dịch vụ mua hàng quốc tế, mua hộ;

☐ Dịch vụ tìm việc làm;

☐ Dịch vụ bất động sản;

☐ Sản phẩm, dịch vụ khác, cụ thể:
..... |
|--|---|

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 15: Báo cáo kết quả gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng.... Năm...

BÁO CÁO

V/v Kết quả gỡ bỏ thông tin hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. Thông tin chung của nền tảng thương mại điện tử

1. Tên tổ chức
2. Mã số thuế
3. Địa chỉ trụ sở
4. Tên và số căn cước của người đại diện theo pháp luật
5. Địa chỉ tên miền/ tên ứng dụng

II. Kết quả gỡ bỏ thông tin, hàng hóa dịch vụ vi phạm pháp luật

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Tỷ lệ % tăng/giảm so với năm trước đó
1	Số lượng gian hàng bị gỡ bỏ	Số lượng		
2	Số lượng tài khoản người bán bị khóa	Số lượng		
3	Số lượng tài khoản người bán bị chấm dứt hoạt động	Số lượng		
4	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng giả trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		
5	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		
6	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		

7	Tỷ lệ gian hàng bị gỡ bỏ do bán hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong tổng số gian hàng bị gỡ bỏ	%		
8	Thời gian trung bình xử lý khi tự phát hiện hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Giờ		

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 16: Báo cáo kết quả hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Hà Nội, ngày tháng.... Năm...

BÁO CÁO

V/v Kết quả hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

Kỳ báo cáo:.....

Kính gửi: Bộ Công Thương

I. Thông tin chung của tổ chức chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại

1. Tên tổ chức:
2. Giấy phép cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại (số, ngày cấp, cơ quan cấp):
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Người đại diện theo pháp luật:

II. Tình hình cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

1. Tình hình hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Tổng số hợp đồng điện tử được chứng thực	Số lượng	
2	Số hợp đồng còn hiệu lực	Số lượng	
3	Số hợp đồng bị hủy/thu hồi hiệu lực	Số lượng	

2. An toàn, bảo mật và quản lý dữ liệu

- Hiện trạng việc bảo đảm an toàn thông tin
- Tình hình lưu trữ dữ liệu về hợp đồng điện tử

3. Khiếu nại, phản ánh, tranh chấp

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả
1	Tổng số khiếu nại	Số lượng	
2	Số vụ đã giải quyết	Số lượng	
3	Thời gian trung bình giải quyết	Ngày	

III. Kết nối trực tuyến

- Tình hình đồng bộ, kết nối Hệ thống quản lý hoạt động TMDT.

IV. Khó khăn, vướng mắc

V. Giải pháp và kiến nghị

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)